

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

KHOA LỊCH SỬ



NGUYỄN THỊ THU THẢO

**TÁC ĐỘNG CỦA CHIẾN TRANH
VIỆT NAM ĐẾN QUAN HỆ MỸ – TRUNG QUỐC
GIAI ĐOẠN 1969 - 1972
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC**

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam

HÀ NỘI - 2019

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

KHOA LỊCH SỬ



NGUYỄN THỊ THU THẢO

**TÁC ĐỘNG CỦA CHIẾN TRANH VIỆT NAM
ĐẾN QUAN HỆ MỸ – TRUNG QUỐC
GIAI ĐOẠN 1969 - 1972**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam

Người hướng dẫn khoa học

ThS. NGUYỄN THÙY LINH

HÀ NỘI - 2019

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành khóa luận em xin gửi lời cảm ơn đến các thầy cô trong trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, nơi đã đào tạo em trong suốt 4 năm học. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc tới cô giáo **Nguyễn Thùy Linh** – Người đã tận tình hướng dẫn chỉ bảo, giúp đỡ em để em hoàn thành khóa luận này.

Qua đây, em cũng gửi lời cảm ơn tới các cán bộ Thư viện trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Thư viện Quốc gia VN, đã giúp em rất nhiều trong quá trình thu thập thông tin tư liệu để làm khóa luận.

Em xin cảm ơn sự quan tâm của gia đình, bạn bè giúp đỡ em hoàn thành khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn.

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

Tác giả khóa luận

Nguyễn Thị Thu Thảo

LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng em, dưới sự hướng dẫn của cô giáo, Thạc sĩ Nguyễn Thùy Linh.

Em xin cam đoan những kết quả nghiên cứu của khóa luận chưa từng được công bố ở bất kỳ một công trình nghiên cứu nào, đó là những kết quả đúng, nếu sai em hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

Tác giả khóa luận

Nguyễn Thị Thu Thảo

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

Nhà xuất bản	Nxb
Xã hội chủ nghĩa	XHCN
Tư bản chủ nghĩa	TBCN
Chủ nghĩa cộng sản	CNCS
Chủ nghĩa xã hội	CNXH
Chủ nghĩa tư bản	CNTB
Việt Nam	VN
Trung Quốc	TQ
Việt Nam Dân chủ Cộng hòa	VNDCCH
Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa	CHNDTH
Việt Nam Cộng hòa	VNCH
Mối quan hệ	mqh

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
1.Lý do chọn đề tài.....	1
2.Lịch sử nghiên cứu vấn đề	3
3.Đối tượng, nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu.....	5
4. Nguồn tư liệu, phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu.....	5
5.Đóng góp của đề tài.....	6
6.Bố cục của khóa luận	7
Chương 1: KHÁI QUÁT QUAN HỆ MỸ – TRUNG QUỐC, VỊ TRÍ CỦA MỸ – TRUNG QUỐC TRONG CHIẾN TRANH VIỆT NAM VÀ VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG CHIẾN LƯỢC TOÀN CẦU	8
CỦA MỸ – TRUNG QUỐC.	8
1.1.Quan hệ Mỹ – Trung Quốc trước năm 1969.....	8
1.2. Vị trí của Mỹ – Trung Quốc trong chiến tranh Việt Nam	9
1.2.1. Vị trí của Mỹ.....	9
1.2.1.1. Sự dính líu và can thiệp của Mỹ vào chiến tranh xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp từ 1945 - 1954.....	9
1.2.1.2. Mỹ trực tiếp tham gia vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam	13
1.2.2. Vị trí của Trung Quốc	17
1.3. Vị trí của Việt Nam trong chiến lược của Mỹ – Trung Quốc.....	20
1.3.1. Việt Nam trong chiến lược toàn cầu của Mỹ.....	20
1.3.2. Việt Nam trong chiến lược của Trung Quốc.....	27
Tiểu kết chương 1.....	32
Chương 2: TÁC ĐỘNG CỦA CHIẾN TRANH VIỆT NAM ĐỐI VỚI QUAN HỆ MỸ – TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 1969-1972.....	33

2.1. Quá trình hòa dịu trong mqh Mĩ – Trung Quốc giai đoạn 1969 – 1972..	34
2.2. Chiến tranh Việt Nam làm vô hiệu hóa tính toán của các nước lớn.....	37
2.2.1. Cuộc chiến trên mặt trận quân sự.....	37
2.2.2. Đàm phán ngoại giao	43
Tiểu kết chương 2.....	52
KẾT LUẬN	54
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	56

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Với một vị trí địa – chính trị đặc biệt, cuộc chiến tranh ở VN luôn là tâm điểm của nền chính trị, quân sự của các cường quốc. Đặc biệt, sau cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, tình hình thế giới có nhiều thay đổi. Một trật tự thế giới mới được thiết lập đó trật tự hai cực Ianta, thế giới được chia làm hai phe: phe XHCN và phe TBCN. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến một cuộc “chiến tranh lạnh” – đó là cuộc chiến giữa hai phe, mà đại diện tiêu biểu đó là Liên Xô và Mĩ.

Sự kiện đánh dấu sự lan rộng, và hệ thống XHCN được thiết lập từ châu Âu sang châu Á là sự ra đời nước CHNDTH năm 1949. Sự kiện này đã tác động rất lớn đến chiến lược bành trướng của Mĩ ở khu vực châu Á và cũng khiến Mĩ chuyển sự quan tâm của mình vào khu vực này.

VNDCCH là một nước thuộc phe XHCN và đang tiến hành cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp và sau đó là đế quốc Mĩ. Cuộc chiến tranh ở VN là nhân tố có tác động rất lớn đối với chiến lược của các nước, mà trực tiếp là ba nước Liên Xô, TQ và Mĩ. Với vai trò là các nước lớn trong phe XHCN, Liên Xô, TQ đều muốn mở rộng sự ảnh hưởng của mình đến VN. Trong cuộc đấu tranh này, VN đã nhận được rất nhiều sự giúp đỡ, viện trợ từ hai nước này. Về phía Mĩ, ngay khi VN đánh đuổi được thực dân Pháp ra khỏi đất nước, Mĩ đã nhanh chóng nhảy vào thay thế chỗ của Pháp để xâm lược VN. VN lúc này có vị trí hàng đầu trong chiến lược của Mĩ, Mĩ muốn biến VN thành bức tường thành để ngăn chặn sự lan rộng và ảnh hưởng của “làn sóng Cộng sản” đang lan tràn ở khu vực này.

Giai đoạn 1969 – 1972, là giai đoạn có nhiều biến động nhất trong mqh giữa các nước. Sự vươn lên mạnh mẽ của TQ đã nằm ngoài tầm kiểm soát của Liên Xô cũng như Mĩ. TQ đang từng bước khẳng định vai trò của mình trong phe XHCN. Lúc này, Mĩ đang leo thang trong cuộc chiến tranh ở VN và đang tìm một giải pháp có lợi nhất cho Mĩ để rút quân ra khỏi miền Nam VN trong thể chủ động. VNDCCH và Chính quyền Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam VN đang giành được những thắng lợi nhất định, từng bước giành được thể chủ động trên chiến trường chính. Chính quyền Sài Gòn mặc dù nhận

được sự giúp đỡ, viện trợ từ Mỹ nhưng cũng đang rơi vào sự khủng hoảng và bế tắc. Chính những điều này làm cho tình hình trong mqh giữa các nước ngày càng biến động.

Mqh của Mỹ – TQ từ sau khi nước CHNDTH được thành lập và đặc biệt trong cuộc chiến tranh Triều Tiên ngày càng trở nên căng thẳng, và phân định rõ ràng là kẻ thù đối chọi nhau về cả chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội,....

Sự rạn nứt trong quan hệ Xô – Trung là cơ hội cho mqh mới bắt đầu đó là sự hòa dịu trong mqh Trung – Mỹ từ 1969 – 1972. Chính sự hòa dịu trong mqh này đã tác động rất lớn đối với cuộc chiến tranh ở VN. Trong những mqh đó thì VN trở thành trung tâm, điểm trung chuyển trong cuộc chiến tranh lạnh. Các nước đều coi VN là một quân cờ trên bàn cờ chiến lược của mình, c chiến tranh VN chính là điều kiện để các nước biến những chiến lược thành thực tế. VN trở thành trung tâm của tam giác chiến lược đó.

Những thắng lợi liên tiếp của VN giai đoạn 1969 – 1972 đã gây nhiều khó khăn và tổn thất cho Mỹ, vì vậy Mỹ đã đưa ra giải pháp tiến hành cuộc ngoại giao tay đôi với TQ và Liên Xô, xích lại gần hơn với TQ để ngăn chặn sự viện trợ của TQ cho VN. Nhưng trên thực tế đã cho thấy những đánh giá, phân tích của Mỹ là sai lầm. Bởi khi mqh Mỹ - TQ xích lại gần nhau, viện trợ của TQ giảm bớt nhưng cuộc đấu tranh của VN vẫn giành nhiều thắng lợi.

Vì vậy, bài viết này nhằm nghiên cứu về tác động của chiến tranh VN đối với quan hệ Mỹ – TQ trong giai đoạn 1969 – 1972. Bởi chiến tranh VN chính là trung tâm, sự bắt đầu của mọi mqh, là tâm điểm của cuộc chiến tranh lạnh, và cũng chính là mặt trận để các nước tiến hành các chiến lược của mình. Giai đoạn 1969 – 1972 là giai đoạn trọng yếu khi Mỹ đang leo thang trong cuộc chiến xâm lược do chính mình mở ra. Những thắng lợi liên tiếp trên mặt trận quân sự cũng như ngoại giao đã làm vô hiệu hóa những tính toán của các nước lớn.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Từ trước đến nay đã có rất nhiều các công trình nghiên cứu về chiến tranh VN và quan hệ Mĩ –TQ trong thời hiện đại với nhiều góc độ khác nhau:

Trước hết, phải kể đến một số cuốn sách chuyên khảo về lịch sử ngoại giao VN như: *Mặt trận ngoại giao thời kì chống Mĩ cứu nước 1965 – 1975* của Nguyễn Duy Trinh (Nhà xuất bản Sự thật, 1979), *Ngoại giao VN 1945 – 2000* của Nguyễn Đình Bin (Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2002), *Lịch sử VN tập III, tập IV* của Lê Hậu Mãn (chủ biên) (Nhà xuất bản Giáo dục VN) và nhiều tác phẩm về đường lối ngoại giao của VN trong thời kì kháng chiến chống Mĩ. Các cuốn sách này đã cho ta thấy cục diện quan hệ quốc tế, đặc biệt là quan hệ giữa các nước lớn liên quan trực tiếp tới cuộc chiến tranh ở VN thời kì 1954 – 1975.

Cuốn *Sự thật về quan hệ VN– TQ trong 30 năm qua* của Bộ Ngoại giao (Nhà xuất bản Sự thật, 1981) đã cho chúng ta hiểu sâu sắc về mqh VN và TQ, VN trong con mắt của những nhà lãnh đạo TQ và chiến lược toàn cầu của TQ.

Cuốn *Lịch sử kháng chiến chống Mĩ cứu nước* gồm chín tập của Viện Lịch sử quân sự VN do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia phát hành lần lượt qua các năm 1995, 1996, 1997, 1999, 2001, 2002, 2007, 2008, 2009 đã cho chúng ta cái nhìn toàn diện về cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, phần nào giúp chúng ta hiểu cục diện quốc tế sau năm 1954 và đường lối kháng chiến của Đảng trong tình hình quan hệ quốc tế có sự biến đổi.

Cuốn *Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của VN, tác động của những nhân tố quốc tế* của Nguyễn Khắc Huỳnh do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia phát hành năm 2010 cũng cho chúng ta cái nhìn khái quát về quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ hai và mqh về giữa các nước lớn về vấn đề chiến tranh VN.

Cuốn *Các nước xã hội chủ nghĩa ủng hộ VN kháng chiến chống Mĩ* của Nguyễn Thị Mai Hoa (Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2013) đã phần nào cho chúng ta biết rõ hơn về sự ủng hộ tinh thần, vật chất và mặt trái của sự ủng hộ đó của các nước XHCN, đặc biệt là TQ trong cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân VN và tác động của nó tới tiến trình cách mạng VN.

Ngoài ra còn rất nhiều bài viết trên các tạp chí khoa học chuyên ngành như: *Một số tư liệu về cuộc kháng chiến chống Mĩ* của Lưu Văn Trác (Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số 2, năm 1985), *Bàn về quan hệ Việt – Trung* của Phan Doãn Nam (tạp chí Nghiên cứu quốc tế, số 18, năm 1997), *Đấu tranh ngoại giao góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước* của Vũ Dương Huân (tạp chí Nghiên cứu quốc tế, số 32, năm 2000), *Mặt trận ngoại giao trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước* của Lương Việt Sang (tạp chí nghiên cứu Lịch sử số 4, năm 2003), *Tác động của chiến tranh VN đối với việc Mĩ triển khai hoạt động “ngoại giao tam giác” với Liên Xô và TQ giai đoạn 1969 – 1972* của Phạm Thị Thu Hương (tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số 2, năm 2011), *Thế tam giác của quan hệ quốc tế Mĩ – Trung – Xô trong chiến tranh VN năm 1972* của Nguyễn Thị Hương (tạp chí Khoa học Đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, số 10, năm 2015)... Các bài viết này giúp chúng ta nhận thức về cuộc kháng chiến chống Mĩ, về hoạt động ngoại giao của VN trong thời kì 1954 – 1975, đặc biệt là mqh VN – TQ, qua đó thấy được những tính toán của TQ đối với VN.

Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân VN cũng như mqh giữa các nước lớn trong chiến tranh VN được rất nhiều tác giả trong và ngoài nước quan tâm, nghiên cứu. Tiêu biểu như tác phẩm: *TQ và việc giải quyết cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất* (Nhà xuất bản Thông tin lí luận, 1981) của Francois do Viện Nghiên cứu Lịch sử những vấn đề quan hệ quốc tế hiện đại dịch. Trên cơ sở tiếp cận nhiều tư liệu trong cơ quan lưu trữ của Pháp, tác giả đã phân tích rất tỉ mỉ về chiến lược, âm mưu, thủ đoạn của TQ đối với VN và vai trò vị trí của VN trong chiến lược toàn cầu của TQ. Ngoài ra còn có công trình nghiên cứu *Giải phẫu một cuộc chiến tranh* của tác giả Gabriel Konco do Nguyễn Tấn dịch (Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2003). Dựa vào những tài liệu mới và quan sát thực tế ở Washington, Paris và những chuyến thăm VN, Gabriel Konco đã phân tích rất chi tiết, sâu sắc các đối tượng trong cuộc chiến tranh, đồng thời trình bày các mặt của chiến lược chiến tranh hạn chế của Mĩ trong thế kỉ XX và nhận xét rằng mọi sự can thiệp của Mĩ trong tương lai chắc chắn sẽ chịu kết quả tai hại ở VN, *Cuộc chiến dài ngày giữa nước Mĩ và VN 1950 – 1975* của tác giả George C. Herring do Phạm Ngọc Thạch dịch (Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2004)...

Nhìn chung đã có khá nhiều các công trình nghiên cứu đề cập đến vấn đề vị thế của VN trong chiến lược toàn cầu của các nước lớn hay quan hệ giữa một số nước lớn trong việc giải quyết vấn đề VN thời kì 1954 – 1975, hay tình hình cách mạng VN 1954 – 1975 dưới sự chi phối của các nước lớn,... Tuy nhiên đều chưa phân tích được tác động của cuộc chiến tranh VN đến quan hệ Mĩ –TQ giai đoạn 1969 – 1972. Chính vì vậy, việc nghiên cứu tác động của cuộc chiến tranh VN đến quan hệ Mĩ –TQ giai đoạn 1969 – 1972 là rất cần thiết.

3. Đối tượng, nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Chiến tranh VN và mqh Mĩ – TQ giai đoạn 1969 – 1972.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được kết quả trên, đề tài tập trung giải quyết các nhiệm vụ sau:

- Trình bày vị trí của VN trong chiến lược của các nước và vị trí của các nước đối với VN.
- Khái quát mqh Mĩ –TQ trước năm 1969.
- Trình bày mqh Mĩ –TQ giai đoạn 1969 – 1972.
- Phân tích tác động của chiến tranh VN đến quan hệ Mĩ –TQ giai đoạn 1969 – 1972.

3.3. Phạm vi nghiên cứu

- Về phạm vi không gian: Đề tài nghiên cứu phạm vi về tác động của chiến tranh VN đến quan hệ Mĩ – TQ. Trong đó chủ yếu là mqh Mĩ – TQ trước và trong giai đoạn 1969 – 1972, chiến tranh VN là tâm điểm trong chiến lược của các nước.
- Về phạm vi thời gian: 1969 – 1972

4. Nguồn tư liệu, phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu

4.1. Nguồn tư liệu

- Các tư liệu gốc về chiến tranh VN, quan hệ ngoại giao Mỹ – TQ, VN – TQ, Văn kiện Đảng Cộng sản VN. Các tuyên bố chung, các bài phát biểu, về quan hệ Mỹ – TQ, VN – TQ, các tài liệu tham khảo đặc biệt của Thông tấn xã VN. Những hiệp định, các văn bản ký kết giữa VN – TQ, Mỹ – TQ.

- Các sách chuyên khảo về lịch sử VN hiện đại, lịch sử ngoại giao VN, sách chuyên khảo về chiến tranh VN.

- Những bài nghiên cứu liên quan đến đề tài đăng trên các tạp chí khoa học, tạp chí chuyên ngành.

- Các website chính thức trên mạng internet.

4.2. Phương pháp luận nghiên cứu

Để thực hiện đề tài nghiên cứu, tác giả đã dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và dựa vào những quan điểm chỉ đạo của Đảng Cộng Sản VN trong vấn đề nghiên cứu lịch sử.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài khóa luận thuộc chuyên ngành lịch sử VN hiện đại, nên trong quá trình nghiên cứu tác giả đã vận dụng hai phương pháp chính là phương pháp lịch sử và phương pháp lô-gíc để giải quyết các vấn đề do đề tài đặt ra. Ngoài ra, tác giả còn sử dụng nhiều các phương pháp khác như: phương pháp sưu tầm, phương pháp đối chiếu, phương pháp liên ngành, phương pháp tổng hợp.

5. Đóng góp của đề tài

5.1. Về phương diện khoa học

Về mặt khoa học, trên cơ sở kế thừa, hệ thống hóa các công trình đã nghiên cứu về chiến tranh VN, quan hệ Mỹ – TQ, kết quả nghiên cứu của đề tài góp phần phân tích tác động của chiến tranh VN đến quan hệ Mỹ – TQ giai đoạn 1969 – 1972. Đề tài phần nào làm rõ những tính toán, chiến lược của các nước lớn xoay quanh vấn đề chiến tranh VN. Đồng thời khái quát quan hệ Mỹ – TQ trong giai đoạn 1969 – 1972. Đặc biệt phân tích những thắng lợi của VN đã là vô hiệu hóa những tính toán của các nước. Do đó, nếu đề tài thực hiện thành công sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích cho việc nghiên cứu, giảng dạy

Lịch sử VN nói chung và Lịch sử kháng chiến chống Mỹ nói riêng, Ngoại giao và Quan hệ quốc tế VN.

5.2. Về phương diện thực tiễn

Việc nghiên cứu về tác động chiến tranh VN đến quan hệ Mỹ –TQ còn mang ý nghĩa thực tiễn, làm sáng tỏ cuộc chiến tranh VN giai đoạn 1969 – 1972 và mqh giữa các nước lớn xung quanh vấn đề chiến tranh VN, đóng góp tư liệu cho Đảng và Nhà nước trong việc thực hiện các chính sách ngoại giao với các nước. Đề tài có thể làm tài liệu tham khảo cho việc học tập, giảng dạy cho học sinh, sinh viên, giáo viên...nghiên cứu ở các trường đại học, cao đẳng, các viện, các trung tâm nghiên cứu có liên quan.

6. Bố cục của khóa luận

Bố cục khóa luận gồm 2 chương:

- *Chương 1: Khái quát quan hệ Mỹ – TQ, vị trí của Mỹ – TQ trong chiến tranh VN và vị trí của VN trong chiến lược toàn cầu của Mỹ – TQ*
- *Chương 2: Tác động của chiến tranh VN đối với quan hệ Mỹ - Trung giai đoạn 1969-1972*

Chương 1

KHÁI QUÁT QUAN HỆ MỸ – TQ, VỊ TRÍ CỦA MỸ – TQ TRONG CHIẾN TRANH VN VÀ VỊ TRÍ CỦA VN TRONG CHIẾN LƯỢC TOÀN CẦU CỦA MỸ – TQ

1.1. Quan hệ Mỹ – TQ trước năm 1969

Sự thành lập của nước CHNDTH ngày 1 – 10 – 1949 đã đánh dấu mốc quan trọng đối với tình hình chính trị trên thế giới. Sự kiện này đã chứng tỏ sự hình thành của hệ thống XHCN nối liền từ châu Âu sang châu Á. Tác động rất lớn đến tình hình chính trị trên thế giới, đặc biệt là cuộc chiến tranh lạnh được bắt đầu từ sau Chiến tranh Thế giới thứ hai và kéo dài cho đến thời điểm hiện tại. Làm củng cố lực lượng của phe XHCN và tác động trực tiếp đến chiến lược của Mỹ ở phe đối diện – TBCN.

Sự ra đời của CHNDTH không nằm trong dự kiến của Mỹ, bởi Mỹ vẫn nghĩ rằng sẽ có sự ra đời của một TQ hùng mạnh thân, vì vậy nên Mỹ ủng hộ sự xuất hiện của quốc gia này. Tuy nhiên sự ra đời của CHNDTH đã cho thấy những suy nghĩ của Mỹ là sai lầm. CHNDTH ra đời với tư cách là một nước thuộc khối XHCN – đối lập hoàn toàn với Mỹ và cũng điều Mỹ cần phải loại bỏ.

Những tư tưởng đối lập này thể hiện bởi những nhà lãnh đạo TQ. Chủ tịch Mao Trạch Đông đã thực hiện chính sách bài trừ Mỹ, cho các lực lượng của mình để sách nhiễu những người Mỹ ở TQ. Nhà ngoại giao Mỹ đã bị cảnh sát Thượng Hải đánh đập. Các nhà lãnh đạo TQ luôn có những chính sách để thể hiện tư tưởng đối lập của mình đối với Mỹ. Đỉnh điểm nhất cho sự không đối đầu về tư tưởng giữa Mỹ với TQ là vào tháng 10 – 1950, khi cả Mỹ và TQ đều đưa quân can thiệp vào cuộc chiến tranh Triều Tiên. Trong khi Mỹ lãnh đạo các lực lượng của Liên Hợp Quốc chống lại quân đội của Bắc Triều Tiên thì TQ đưa quân chống lại lực lượng này. Khi quân Mỹ và TQ đối đầu trực diện nhau trên chiến trường thì mọi ý nghĩ về việc thiết lập quan hệ ngoại giao bình thường giữa Mỹ và TQ đã không còn nữa.

Quan hệ Mỹ – TQ từ 1949 – 1969 luôn trong tình trạng căng thẳng, đối đầu nhau về tư tưởng, chính trị. TQ là một nước thuộc phe XHCN còn Mỹ là nước thuộc phe TBCN, hai nước ở 2 cực đối đầu nhau. Hơn nữa sự vươn lên

manh mẽ của TQ cũng như tầm ảnh hưởng của TQ trong khu vực đã tác động trực tiếp đến chiến lược của Mĩ, chính điều này đã khiến Mĩ càng lo ngại về TQ. Đặc biệt, trong cuộc chiến tranh Triều Tiên, sự đối đầu của hai nước thể hiện trong việc TQ đưa quân sang giúp đỡ Nam Triều Tiên còn Mĩ đưa quân giúp đỡ Bắc Triều Tiên đã khiến cho các mqh hai nước trở nên đối đầu trực diện.

1.2. Vị trí của Mĩ – TQ trong chiến tranh VN

1.2.1. Vị trí của Mĩ

1.2.1.1. Sự dính líu và can thiệp Mĩ vào chiến tranh xâm lược VN của thực dân Pháp từ 1945 - 1954

Ngay khi VN đang tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, lúc này mqh VN – Mĩ đã có những bước đầu tiên trong mqh ngoại giao. Bắt đầu từ mùa thu năm 1940, khi phát xít Nhật tiến hành cuộc đảo chính nhằm muốn độc chiếm Đông Dương, VN đã khẳng định VN – Mĩ là những nước “đồng minh” trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít. Trước tình hình khi Nhật đảo chính Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc này lấy tên là Nguyễn Ái Quốc – một thành viên của Quốc tế Cộng sản phụ trách về vấn đề Đông Dương đã về nước và nhận xét về tình hình lúc này. Hồ Chí Minh đã nhận định “*Mĩ là một đồng minh đặc biệt, và là người ủng hộ từ xa cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của VN*” [23].

Với những nhận định đó, để thiết lập mqh với Mĩ, Hồ Chí Minh đã sang TQ để đưa Trung úy Shaw về bản doanh quân Mĩ ở Côn Minh. Tại Côn Minh, Hồ Chí Minh đã đưa Trung úy Shaw cho AGAS (cơ quan yểm trợ không quân và trên mặt đất của Mĩ), và ngỏ ý muốn gặp tướng Chennault – người chỉ huy không đoàn 14 “Hổ bay” để bàn về việc thiết lập quan hệ Việt – Mĩ. Khi về nước, Người đã được Mĩ tặng “*6 khẩu súng ngắn, 2 vạn viên đạn, một số thuốc chữa bệnh và tiền. Nhưng Hồ Chí Minh chỉ nhận súng đạn và thuốc men*” [23].

Trước những thay đổi về tình hình ở Đông Dương, Mĩ đã chủ động liên lạc với Chủ tịch Hồ Chí Minh để nắm rõ hơn về khu vực này. Cuối tháng 4 – 1945, Hồ Chí Minh gặp Thiếu tá Patti và Người đã thông báo cho Patti về nạn

đổi đang hoành hành ở Bắc Kì, về ý đồ của Pháp, Trung Hoa đối với vấn đề VN. Để đáp ứng cho nhu cầu mới, Mĩ đã cử Frank Tan và Mac Shin đi cùng Hồ Chí Minh về Tân Trào để giúp huấn luyện cho các học viên Việt Minh điều khiển điện đài, cả *“truyền và nhận tin và làm thế nào để sử dụng ánh sáng làm dấu hiệu thu hút sự chú ý của máy bay”*. Tan và Shin đã mang theo một số vũ khí gồm 2 khẩu súng trường, 3 khẩu cabin, 1 khẩu Bren, vài khẩu súng lục và đạn dược để cung cấp và huấn luyện cho Việt Minh” [23]. Bên cạnh đó, sự thành lập của lực lượng quân đội mang tên “Bộ đội Việt – Mĩ” cũng cho thấy sự hợp tác giữa hai nước trong giai đoạn này. Chính những cố gắng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc thiết lập mqh VN – Mĩ là cơ sở để hai nước trở thành đồng minh cùng nhau đấu tranh chống phát xít. Mĩ cũng là đồng minh duy nhất của VN trong cuộc đấu tranh chống phát xít Nhật.

Ngày 2 – 9 – 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Đảng, Chính phủ đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước VNDCCH đã chính thức xác lập vị trí của VN trên bản đồ thế giới. Đối với Mĩ, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã có thiện chí để tiến hành ngoại giao hòa bình nhưng lúc này Mĩ không hề để tâm bởi Mĩ còn đang quan tâm đến những chiến lược toàn cầu của mình. Phải đến sau này, khi Pháp đang leo thang trong cuộc chiến tranh ở VN thì Mĩ mới bắt đầu để tâm và giai đoạn sau chính thức đặt VN lên vị trí đứng đầu trong chiến lược của mình. Nhưng thời gian này, sự hiện diện của Mĩ ở VN cũng đã bắt đầu.

Nhận xét về mqh giữa Mĩ và VN lúc này, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã nhận xét là một mqh đặc biệt: *“đây là một mqh thật thú vị”* [10-tr.5]. Mqh thú vị này đã được chứng minh qua thực tế lịch sử khi một mặt Mĩ đã thể hiện tình hữu nghị khi nước VNDCCH nhưng mặt khác Mĩ cũng đã ngầm giúp đỡ Pháp quay trở lại xâm lược VN.

Không phải đến sau năm 1954, Mĩ mới can dự vào cuộc chiến tranh VN. Ngay khi thực dân Pháp đang tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược ở VN, Mĩ đã có những hành động viện trợ, tiếp tay cho Pháp trở lại xâm lược VN. Dưới lá bài viện trợ về tài chính, quân sự Mĩ đã góp mặt trong cuộc chiến tranh ở Đông Dương cũng như VN. Sự can thiệp của Mĩ là nguyên nhân dẫn đến cuộc chiến tranh kéo dài ở Đông Dương; khi Pháp đang sa lầy trong cuộc chiến này thì với ưu thế về tài chính, quân sự Mĩ đã viện trợ cho Pháp để kéo

dài cuộc chiến. Từ viện trợ, can thiệp Mỹ đã tham gia trực tiếp vào cuộc chiến tranh.

Kế hoạch Rơ – ve của Pháp vào tháng 7 – 1949 đã nhận được sự viện trợ của Mỹ. Sau khi thất bại trong chiến dịch Việt Bắc Thu – Đông năm 1947, Pháp ngày càng sa lầy vào cuộc chiến tranh ở VN và buộc phải thay đổi chiến lược từ “đánh nhanh, thắng nhanh” sang “đánh lâu dài” với ta. Bên cạnh đó cuộc đấu tranh của nhân dân ta đã từng bước giành thắng lợi trên nhiều mặt trận đã buộc Pháp phải có những quyết định mới trong chiến lược của mình. Trong tình thế đó, Pháp đã cử tướng Rơ – ve cùng với các Nghị sĩ để nghiên cứu tình hình Đông Dương, sau một tháng nghiên cứu tướng Rơ – ve đã trở về nước và đề ra kế hoạch Rơ – ve.

Để tiến hành kế hoạch này Pháp đã có sự viện trợ, giúp đỡ của Mỹ với 751, 428 triệu đô – la. Tiếp đó, ngày 7 – 2 – 1950, Mỹ đã thừa nhận sự tồn tại của chính phủ bù nhìn Bảo Đại. Ngày 8 – 5 – 1950, Truman chính thức quyết định viện trợ cho Pháp trong chiến tranh Đông Dương. Với sự viện trợ này đã cho thấy đây là bước đầu tiên làm cho nước Mỹ trực tiếp dính líu vào tấn bi kịch đang phát triển ở Miền Nam VN. Tháng 12 – 1950, Mỹ kí với Pháp Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương, đây là hiệp định viện trợ của Mỹ cho Pháp và tay sai về quân sự, kinh tế, tài chính, qua đó Mỹ từng bước thay chân Pháp ở Đông Dương. Cũng từ đây cụm từ “viện trợ Mỹ” được nhắc đến và phổ biến khắp.

Cuối năm 1950, dưới sự viện trợ của Mỹ, Pháp đã tiếp tục tiến hành kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi, nhằm mục đích kết thúc nhanh cuộc chiến tranh kéo dài. Đến tháng 9 – 1951, Mỹ tiếp tục kí với chính phủ Bảo Đại “Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt – Mỹ” nhằm ràng buộc chính phủ Bảo Đại vào Mỹ. Theo B. Cole từ 5 – 6 – 1950 đến 30 – 6 – 1954, Mỹ đã viện trợ kinh tế trực tiếp cho chính quyền Bảo Đại 96 triệu đô – la. Năm 1953, sau khi Nixon chính thức cầm quyền đã đánh giá lại tình hình, đề ra chiến lược “trả đũa ào ạt” thay cho chiến lược “ngăn chặn”. Trong lúc này, những kế hoạch của Pháp đã liên tiếp thất bại, Pháp ngày càng lún sâu và không có lối thoát trong chính cuộc chiến mà mình mở ra; vì vậy mà con đường duy nhất mà Pháp có thể lựa chọn để giành lại thế chủ động, kết thúc chiến tranh và ra đi trong danh dự đó chính là

tiếp tục dựa vào sự viện trợ của Mỹ để tiến hành cuộc chiến – dù mqh giữa Pháp – Mỹ lúc này đang có những biến động.

Trước tình thế vô cùng khó khăn đó của Pháp thì Mỹ đã ngày càng đẩy mạnh tăng thêm nguồn viện trợ, bên cạnh đó còn mọi cách muốn nắm lấy quyền điều hành cuộc chiến tranh. Tháng 7 – 1953, Mỹ đã phê chuẩn kế hoạch Nava – kế hoạch giúp Pháp “kết thúc chiến tranh trong danh dự” và kế hoạch này Mỹ chịu toàn bộ chiến phí gần 400 triệu đô – la. Theo “Tài liệu mật của Lầu năm góc”, thì tính đến ngày 21 – 1 – 1954: “*Sự viện trợ của Mỹ cho Pháp trong kế hoạch Nava là 1.400 xe tăng và xe bọc thép, 619 máy bay, 16.000 ô tô, 390 tàu đổ bộ, 175.000 súng trường và súng máy, 2.555 triệu đạn, đại bác*” [24].

Điểm then chốt của kế hoạch Nava đó là Điện Biên Phủ, cả Mỹ và Pháp đều tin tưởng rằng Điện Biên Phủ sẽ là “một pháo đài bất khả xâm phạm”. Trước những thắng lợi của VNDCCH trên mặt trận quân sự, Mỹ đã phải viện trợ gấp cho Pháp và đe dọa ném bom nguyên tử xuống Điện Biên Phủ. Theo các số liệu thống kê số viện trợ của Mỹ cho Pháp từ năm “1950 – 1954, Pháp nhận 3,6 tỉ đô – la viện trợ quân sự mà phần lớn là đã được đổ vào Đông Dương cho nên đa số chi tiêu chiến tranh đã được trang trải” [9-tr.62].

Sau những hiệp định này, số viện trợ của Mỹ chiếm tỉ lệ ngày càng cao trong ngân sách chiến tranh của Pháp ở Đông Dương: “*năm 1950 là 52 tỉ Phrang chiếm 19% đến năm 1954 là 555 tỉ Phrang chiếm 73% ngân sách*”. Bên cạnh đó, các phái đoàn viện trợ kinh tế, các cố vấn quân sự Mỹ đến VN ngày càng nhiều. Cũng theo một số nguồn tài liệu khác, hai giáo sư của Viện nghiên cứu chính trị Paris – Serge Bernstein và Pierre Milza từ mùa xuân 1948 đến đầu năm 1952, Mỹ đã viện trợ cho Pháp 2,6 tỉ đô – la; trong đó 85% dưới hình thức “tặng” (don) và 15% dưới hình thức cho “vay” (Pret) với lãi suất 2,5% trả trong vòng 35 năm kể từ năm 1956. Có nhiều con số và số liệu và các khoản viện trợ của Mỹ cho Pháp trong giai đoạn này; tuy nhiên các nhà nghiên cứu đều đồng ý cho rằng các khoản viện trợ này đã được Pháp sử dụng trong cuộc chiến tranh ở Đông Dương: “33% năm 1953 và 77% năm 1954”. Điều này cho thấy Mỹ càng ngày càng can thiệp sâu hơn vào cuộc chiến tranh ở VN.

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã buộc Pháp và Mĩ phải ngồi vào bàn đàm phán tại Hội nghị Giơ – ne – vơ. Tuy nhiên Hội nghị Giơ – ne – vơ diễn ra dưới sự chi phối của các nước lớn đã khiến cho những điều khoản bị hạn chế, Mĩ đã không bỏ phiếu cho quyết định ngày 21 – 7 – 1954 và tuyên bố không bị ràng buộc bởi các quyết định này.

Như vậy, với ưu thế về quân sự, tài chính, Mĩ đã tận dụng triệt để để can thiệp vào cuộc chiến tranh ở VN thông qua con đường viện trợ, ủng hộ cho Pháp quay trở lại xâm lược nước ta. Những khoản viện trợ của Mĩ là nguyên nhân dẫn đến cuộc chiến tranh kéo dài của Pháp ở VN. Từ sự can thiệp này, sau năm 1954, Mĩ đã trực tiếp có mặt trong cuộc chiến tranh xâm lược VN.

1.2.1.2. Mĩ trực tiếp tham gia vào cuộc chiến tranh xâm lược VN

Ngay khi can thiệp trong cuộc chiến tranh của Pháp ở VN, Mĩ đã có những tính toán riêng của mình. Chính Nixon đã nói: *“Mĩ bỏ đôla vào cuộc chiến tranh này không để tiêu phí. Trong thực tế, khi Mĩ đã trả đến 80% chi phí của cuộc chiến tranh, thì đó không còn là cuộc chiến tranh của Pháp nữa, mà đã là cuộc chiến tranh của Mĩ rồi. Lính Pháp và lính ngụy đánh trận. Nhưng vũ khí là của Mĩ, trang bị của Mĩ, lương của Mĩ”*. Từng bước, Mĩ đã biến cuộc chiến tranh của Pháp thành cuộc chiến tranh của Mĩ, biến người bạn “đồng minh” thành kẻ đánh thuê cho Mĩ.

Về chính trị, Mĩ đã chuyển từ việc viện trợ cho Pháp sang viện trợ cho VNCH ở miền Nam VN nhằm can thiệp trực tiếp vào nền chính trị ở VN. Sau hiệp định Giơ – ne – vơ năm 1954, tình hình nước VNDCCH có nhiều biến động. Theo các điều khoản trong hiệp định Giơ – ne – vơ thì VN bị chia cắt thành 2 miền. Một trong những nội dung của bản hiệp định này đó là cuộc tổng tuyển cử thống nhất hai miền vào năm 1956, tuy nhiên những điều này không được thực hiện giống như những thỏa thuận của nó.

Sự thật đã chứng minh, 2 năm sau nước ta không hề có bất kì 1 cuộc tổng tuyển cử tự do thống nhất 2 miền nào mà thay vào đó là một chính quyền mới ở miền Nam VN thân Mĩ được thành lập và chính thức đánh dấu sự can thiệp sâu của Mĩ vào cuộc chiến tranh VN. Lúc này Mĩ đã thay Pháp để viện trợ cho VNCH. *“Mĩ không chịu bỏ phiếu cho quyết định ngày 21 tháng 7 của*

hội nghị và tuyên bố không bị ràng buộc vào các quyết định của hội nghị...”[9-tr.63].

Lời phát biểu của Nghị sĩ Kennedy (4 năm sau trở thành Tổng thống) vào ngày 1 – 6 – 1956: *“Nếu chúng ta không phải là cha mẹ của nước VN bé nhỏ (VNCH) thì chắc chắn chúng ta cũng là cha mẹ đỡ đầu của nó. Chúng ta là chủ tòa khi nó ra đời, chúng ta viện trợ để nó sống, chúng ta giúp định hình tương lai tương lai của nó... Nó là con đẻ của chúng ta – chúng ta không thể bỏ rơi nó, chúng ta không thể không biết đến những nhu cầu của nó...”* [19-tr.43-44].

Từ đây, Mỹ đã có những chủ trương và biện pháp để thực hiện những ý đồ chính trị của mình. Tháng 11 – 1954, kế hoạch 6 điểm của Mỹ đã được ra đời; đến tháng 1 – 1955, Mỹ đã chính thức thay thế Pháp viện trợ cho VNCH. Theo thống kê, *“từ năm 1955 đến năm 1961, Mỹ đã rót trên 1 tỷ USD vào viện trợ quân sự và kinh tế cho Nam VN, và tính đến năm 1961, chính quyền Diệm đã đứng thứ 5 trong số các nước nhận viện trợ nhiều nhất từ Mỹ. Vào cuối thập kỷ 50, đã có trên 1.500 người Mỹ ở Nam VN, giúp đỡ cho chính quyền Diệm dưới nhiều hình thức và phái bộ Mỹ ở Sài Gòn đã có quy mô lớn nhất so với các phái bộ của Mỹ ở các nơi khác trên thế giới”* [10-tr.60].

Tiếp đó, trong những năm 1955 – 1956, Mỹ tiếp tục bỏ ra “414 triệu đôla giúp trang bị cho quân đội VNCH, khiến cho 80% ngân sách của chế độ Ngô Đình Diệm do Mỹ viện trợ”. Ngoài ra, Mỹ còn đầu tư xây dựng các cơ sở quân sự quan trọng như sân bay Tân Sơn Nhất, Biên Hòa, các chuyên tàu chở vũ khí của Mỹ vào VN, các phái đoàn quân sự, cố vấn cho chính quyền Ngô Đình Diệm của Mỹ ngày xuất hiện ngày càng nhiều ở miền Nam VN. Mỹ cho rằng việc phát triển quân đội chính là tiền đề để xây dựng quốc gia ổn định: *“từ năm 1955 đến năm 1961, viện trợ quân sự chiếm hơn 78% tổng chương trình ngoại viện của Mỹ tại Nam VN. Đầu năm 1956, Mỹ thay Pháp gánh vác toàn bộ trách nhiệm huấn luyện quân đội Nam VN. Phái đoàn cố vấn và viện trợ quân sự Mỹ (MAAG) ở Sài Gòn đảm nhiệm một chương trình cấp tốc xây dựng quân đội Nam VN trở thành một lực lượng thực sự có hiệu lực..... Mỹ đã cung cấp khoảng 85 triệu USD mỗi năm dưới hình thức trang bị quân sự, trong đó có quân trang, vũ khí hạng nhẹ, ô tô, xe tăng và máy bay trực thăng.*

Mĩ trả lương cho sĩ quan và binh lính, tài trợ xây dựng các căn cứ quân sự và đảm nhận chi phí cho các chương trình huấn luyện.”[10-tr.61].

Lúc này, ở miền Nam chính quyền Diệm ngày càng suy yếu và bị mất lòng tin của dân chúng. Tình hình này lại càng đẩy Mĩ vào thế rối ren, Kennedy đã nói với các trợ lí của mình rằng: *“vấn đề cơ bản không phải là Diệm có là một nhà lãnh đạo giỏi hay không mà là Mĩ có thể chấp nhận mà không trừng phạt hành động xâm lược của cộng sản ở VN hay không”* [10-tr.92]

Việc thực hiện chương trình “áp chiến lược” và phong trào “chống nổi dậy” trong các ấp chiến lược khiến cho tình hình chính trị, xã hội ngày càng trở nên gay gắt. Những mâu thuẫn nảy sinh và diễn ra quyết liệt, giữa nhân dân với các chính quyền cai trị, giữa các Đảng phái, hay chính trong nội bộ các chính quyền. Việc Mĩ thực hiện phong trào “chống nổi dậy” ở VN đã khiến dư luận thế giới chú ý vào Mĩ – đây là mối quan ngại sâu sắc và đáng lo đối với Mĩ. Chính những bất đồng trong suy nghĩ đã khiến cho mqh Mĩ – Diệm ngày càng đi vào bế tắc; cả Mĩ và Diệm đều có những suy nghĩ và tính toán riêng của mình: Chính quyền Diệm muốn có giải pháp đối với VNDCCH, còn đối với Mĩ, Kennedy đã nhận ra sự viện trợ cho VNCH là vô nghĩa và đang có những suy nghĩ muốn rút khỏi miền Nam VN.

Tuy nhiên, đây mới là những suy nghĩ, cả hai đều chưa thực hiện được thì một sự kiện mang tính quyết định đã diễn ra ở miền Nam VN *“Frances EitzGerald đã viết, “một hoà thượng tự thiêu là lời hiệu triệu vùng lên, kéo theo sự hưởng ứng của dân chúng các thành phố Nam VN.”* [10-tr.108]. Sự kiện này đã khiến cho những suy nghĩ trước đó của Mĩ và Diệm đều thay đổi. Trong khi Mĩ và Kennedy đang rối ren trước những lựa chọn về việc giữ lại Diệm và chính quyền của Diệm hay đồng ý cho cuộc đảo chính diễn ra.

Sau cuộc đảo chính, Mĩ vẫn luôn thể hiện rằng Mĩ có mặt ở VN chính là để thực hiện sứ mệnh giúp nhân dân miền Nam chống lại sự xâm lược của miền Bắc. Cũng chỉ sau 3 tuần cuộc đảo chính diễn ra, ở phía bên này Kennedy cũng bị ám sát và người thay thế cho vị trí của Kennedy ở Nhà Trắng đó chính là Lyndon Baines Johnson. Cuối năm 1963, tình hình ở VN ngày càng căng thẳng và quyết liệt, điều này đã khiến cho Johnson quyết định can thiệp trực tiếp vào cuộc chiến tranh ở VN. Trực tiếp đưa người, binh lính,

vũ khí,...tham chiến trực tiếp trên chiến trường VN. Mĩ đã cho tiến hành một chiến lược mới đó là chiến lược chiến tranh cục bộ để tiếp tục tiến hành những ý định của mình. Mĩ vẫn chưa từ bỏ về những tham vọng ở miền Nam VN cũng như đánh giá sai lầm về VNDCCH ở miền Bắc VN.

Sau một thời gian Mĩ cùng với những cố vấn của mình đã phải suy nghĩ về những mqh, tình hình rối ren ở VN nói riêng và thế giới nói chung. Ngày 7 tháng 8, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết Vịnh Bắc Bộ: “*Quốc hội tán thành và ủng hộ quyết định của Tổng thống theo yêu cầu của Bộ tư lệnh là áp dụng mọi biện pháp cần thiết các đợt tấn công có vũ trang chống lại các lực lượng của Mĩ và còn nhằm ngăn ngừa sự gây chiến tiếp theo... Mĩ... đã chuẩn bị*” [5-tr.20]. Sự kiện Vịnh Bắc Bộ đã đánh dấu sự tham chiến trực tiếp của Mĩ ở VN. Mĩ đã trực tiếp đưa binh lính, cố vấn, vũ khí,... trực tiếp sang VN.

Về kinh tế, cùng với việc viện trợ quân sự thì Mĩ cũng tiến hành các viện trợ về kinh tế: “*từ năm 1955 đến năm 1959, chương trình nhập khẩu thương mại đã lên tới gần 1 tỷ USD. Hơn nữa, trong thời gian này Mỹ cũng viện trợ kinh tế trực tiếp hơn 120 triệu USD và viện trợ kỹ thuật hơn 16 triệu USD cho chính quyền Nam VN*” [10-tr.64]. Với sự viện trợ của Mĩ, chính quyền Diệm đã có những chính sách cải cách, quân sự nhưng trong bối cảnh rối ren đó càng khiến cho xã hội trở nên khủng hoảng. Việc viện trợ kinh tế của Mĩ cho chính quyền miền Nam VN nhằm giúp Mĩ thâm nhập nền kinh tế của ở miền Nam VN. Với sự viện trợ như vậy, kinh tế miền Nam VN ngày càng bị phụ thuộc vào Mĩ và điều này chính là mục đích mà Mĩ hướng đến khi viện trợ về kinh tế.

Trong khi đó, sự phát triển của VNDCCH ở miền Bắc đã giúp đỡ cho sự thành lập của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam VN; các cuộc chiến tranh trên thế giới và sự lan rộng của CNCS đã làm phân tâm những mối quan tâm của Mĩ. Tình hình mới khiến cho Mĩ phải suy nghĩ lại về những chiến lược quân sự của mình. Ngay cả chính bản thân Kennedy đã phải suy nghĩ để lựa chọn việc có nên từ bỏ “đứa con đẻ” của mình hay không.

Như vậy, từ năm 1945 với những dự định và tính toán riêng của mình Mĩ đã can thiệp và cuối cùng là tham chiến trực tiếp trên chiến trường ở VN. Từ những khối viện trợ khổng lồ về quân sự, kinh tế cho thực dân Pháp, và

các chính quyền thân Mĩ, bù nhìn ở miền Nam VN,... với những tính toán riêng, Mĩ đã dần thâm tóm được tình hình chính trị, kinh tế ở miền Nam VN. Mĩ càng lấn sâu vào cuộc chiến tranh ở VN khiến cho cuộc chiến tranh ngày một leo thang, buộc Mĩ phải đưa binh lính, vũ khí, cố vấn,... trực tiếp tham chiến. Sự có mặt của Mĩ ở VN đã xác định vị trí của Mĩ trong cuộc chiến này. Đối với VNDCCH, vị trí của Mĩ là một nước đế quốc đi xâm lược VN, còn đối với VNCH, vị trí của Mĩ là chỗ dựa để VNCH tiếp tục tồn tại. Riêng với Mĩ cũng tự cho rằng mình có vị trí là nước sẽ giúp đỡ và bảo vệ VNCH đối với VNDCCH và làn sóng cộng sản, nhưng thực chất là Mĩ muốn biến VNCH thành thuộc địa kiểu mới của mình.

1.2.2. Vị trí của TQ

Với một vị trí “núi liền núi, sông liền sông”, ngay từ thời phong kiến VN và TQ đã có những mqh ngoại giao với nhau. Dù mqh này có nhiều phức tạp, tính chất có sự thay đổi qua từng thời kì, nhưng trong lịch sử ngoại giao VN không thể không nhắc tới TQ.

Sau khi nước CHNDTH được thành lập, ngày 18 – 1 – 1950, CHNDTH và VNDCCH đã thiết lập quan hệ ngoại giao. TQ là nước đầu tiên công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với VNDCCH. Từ đó lần lượt các nước XHCN đã thiết lập quan hệ ngoại giao, đánh dấu một bước phát triển mới của nước VNDCCH, nâng cao vị thế trên trường quốc tế.

TQ đã rất khôn khéo khi sử dụng lá bài viện trợ để can thiệp vào tình hình chính trị ở VN. Trong suốt cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm của VN, TQ đã viện trợ cả về quân sự, kinh tế cho VN. Nhằm thông qua sự viện trợ đó để thực hiện các chiến lược bành trướng của mình, can thiệp sâu vào tình hình chính trị, kinh tế VN.

Về chính trị, không phải đến khi nước CHNDTH được thành lập mqh giữa hai bên mới được thiết lập, mà trước đó Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những mối liên hệ với những người cộng sản khi TQ đang diễn ra cuộc nội chiến. Ngay từ khi nước VNDCCH được thành lập Hồ Chí Minh đã bày tỏ quan điểm của mình về Liên Xô và những người cộng sản ở TQ. Nước VNDCCH đã bày tỏ tinh thần đoàn kết, hữu nghị với Liên Xô và TQ, trong cuộc nội chiến của TQ năm 1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cho quân kết hợp

với Quân giải phóng nhân dân TQ để mở rộng vùng giải phóng ở biên giới Trung – Việt.

Để tranh thủ sự ủng hộ của Liên Xô và TQ, khi cuộc kháng chiến chống Pháp đang diễn ra quyết liệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sang TQ “*đây là chuyến đi bí mật... về danh nghĩa, đây là phái đoàn của Trung ương Đảng qua gặp Đảng cộng sản TQ*” [8-tr.629]. Tại đây, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được Lưu Thiểu Kỳ đón tiếp và bày tỏ sự ủng hộ của TQ trong cuộc chiến tranh ở VN, và trước những đề nghị viện trợ cho VN, Lưu Thiểu Kỳ đã trả lời rằng: “*Chúng tôi quyết tâm chi viện cho cuộc kháng chiến chống Pháp của VN. Việc này sau khi Mao chủ tịch và đồng chí Chu Ân Lai về nước, Trung ương Đảng cộng sản TQ sẽ nghiêm chỉnh nghiên cứu nội dung và phương pháp viện trợ, chúng tôi sẽ xác định cụ thể theo yêu cầu của đồng chí*” [23].

Sau đó việc giải quyết về vấn đề viện trợ cho VN đã được diễn tại Moscow giữa Mao Trạch Đông và Stalin, Stalin đã nói: “*Viện trợ và ủng hộ cuộc đấu tranh của dân tộc VN thuộc trách nhiệm, nghĩa vụ của Đảng cộng sản TQ và nhân dân TQ*”. Stalin còn nói thêm: “*chúng tôi đã đánh xong cuộc đại chiến thế giới, còn rất nhiều vũ khí chưa dùng hết, chúng tôi có thể chở sang TQ, các đồng chí giữ lấy, trong đó có những thứ phù hợp với chiến tranh VN, các đồng chí có thể chở một số sang VN; đồng thời hào phóng hứa rằng, những gì TQ chuyển sang VN sẽ được Liên Xô hoàn trả.*” [23]

Với việc coi VN là một nước đồng minh đặc biệt, cả TQ và Liên Xô đều muốn thể hiện vai trò lãnh đạo của mình trong phe XHCN bằng sự ủng hộ về vật chất, tinh thần cho VN. Sau đó, chủ tịch Mao Trạch Đông đã tuyên bố sẽ viện trợ cho VN: “*VN cần trang bị 10 đại đoàn để đánh thắng Pháp, trước hết hãy trang bị cho 6 đại đoàn có mặt ở miền Bắc. VN có thể đưa ngay một số đơn vị sang nhận vũ khí trên đất TQ. Tỉnh Quảng Tây sẽ là hậu phương trực tiếp của VN*” [15-tr.527].

Sau đó, trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp của VN, TQ đã viện trợ một khối lượng về vật chất, tinh thần, phương tiện chiến tranh cho VN; cử các cố vấn TQ sang VN để giúp đỡ trong cuộc chiến tranh. Đến cuối năm 1950, theo thống kê của VN, “*TQ đã viện trợ cho VN 3.983 tấn hàng; trong đó có 1020 tấn súng đạn; 161 tấn quân trang; 20 tấn thuốc, dụng cụ quân y; 71 tấn quân giới; 30 xe vận tải Motolova; 2634 tấn gạo*”. Đến năm 1950, chủ

tịch Mao Trạch Đông đã ở trong thế có thể giúp đỡ chủ tịch Hồ Chí Minh đường biên giới phía Bắc VN. “Ông Hồ không còn bị cô lập như trước, ông đã có rất nhiều đồng minh, trước hết là TQ và sau đó là Liên Xô, một sân bóng mới đã bắt đầu” [1-tr.237].

Trong những năm 1951 – 1953, TQ vẫn giữ vai trò viện trợ chủ yếu cho VN. Theo thống kê của TQ, trong cuộc đấu tranh chống Pháp của VN, TQ đã viện trợ “155.000 khẩu súng các loại, 57.850 viên đạn, 1.692 khẩu pháo, hơn 1.080.000 quả đạn pháo, 840.000 quả lựu đạn, 1.231 ô tô, hơn 1.400.000 bộ quân phục, 14.000 tấn lương thực, thực phẩm phụ, hơn 26.000 tấn dầu và lượng thuốc men, vật tư quân dụng khác” [23]. Có thể thấy rằng thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta không thể không nhắc đến vai trò của TQ. TQ bước đến Hội nghị Giơ – ne – vơ với tư cách là nước viện trợ cho VNDCCH, và chính sự tham dự của TQ trong hội nghị này là một trong những nhân tố có tác động lớn đến kết quả của Hội nghị, đến những điều khoản trong hiệp định Giơ – ne – vơ.

Sau hiệp định Giơ – ne – vơ, sự ảnh hưởng của TQ đã được lan rộng trong khu vực và vị thế được nâng cao. TQ đại diện cho phe XHCN ở châu Á, và làn sóng XHCN lúc này ngày càng lan rộng. Chiến tranh lạnh giữa hai cực Xô – Mĩ ngày càng căng thẳng. Trong tình thế này, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn luôn tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô, TQ là chỗ dựa để viện trợ cho cuộc kháng chiến. Tuy nhiên, mqh giữa Liên Xô – TQ đang có những mâu thuẫn được thể hiện hiện công khai, sự rạn nứt trong mqh này khó có thể cứu vãn, đặc biệt là sau cuộc chiến tranh Biên giới năm 1960 khiến cho mqh này ngày càng căng thẳng.

Mâu thuẫn Xô – Trung đã làm cho mqh các nước có sự thay đổi giữa các nước trong khối XHCN và các nước trong khối TBCN. Khi hai cường quốc trong khối XHCN mâu thuẫn với nhau đã làm ảnh hưởng đến các nước XHCN khác và đồng thời cũng tạo điều kiện cho các nước TBCN lợi dụng để gây chia rẽ nội bộ gây mất đoàn kết. Đặc biệt là Mĩ, khi mâu thuẫn Xô – Trung diễn ra Mĩ đã lợi dụng cơ hội này để tạo ra thế một tam giác không cân bằng đối với chiến tranh VN.

Trước tình thế căng thẳng này, VN phải có chính sách ngoại giao linh hoạt và mềm dẻo để tận dụng được nguồn lực của các nước. Đặc biệt là trong

cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ, còn gặp phải rất nhiều khó khăn nên phải tận dụng tối đa sự viện trợ của TQ cũng như Liên Xô và các XHCN.

Sự ủng hộ của TQ trong thời gian này là yếu tố giúp phát triển cuộc cách mạng ở VN. Theo thống kê của cơ quan Hậu cần, từ năm “1965 – 1975 khối lượng hàng viện trợ của TQ là 1.552.153 tấn”. Trong đó, riêng từ năm “1965 – 1968, tàu TQ vận chuyển 8 chuyến với tổng cộng 18. 596 tấn vũ khí, 504 tấn khí tài, 3.002 tấn thực phẩm, 388 tấn quân trang, 414 tấn thuốc, dụng cụ y tế”.

Như vậy, sự ủng hộ của TQ đã có tác động rất lớn đối với chiến tranh VN. TQ còn là nước đầu tiên công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với VNDCCH. Vị trí của TQ trong cuộc chiến tranh ở VN là nước đồng minh với VNDCCH, và là nước viện trợ chính cho cuộc đấu tranh chống xâm lược của VN trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Đối với TQ coi cuộc chiến tranh VN là điều kiện để TQ mở rộng ảnh hưởng, vai trò cách mạng của mình, vì vậy mà TQ tự coi mình với vị trí lãnh đạo, giúp đỡ của cuộc cách mạng ở VN. Với những khối viện trợ cho VN về vũ khí, quân tư trang cũng như các cố vấn, TQ đã từng bước can thiệp vào cuộc chiến tranh VN. Chính sự can thiệp của TQ đã và các nước đã biến cuộc chiến tranh VN trở thành điểm nóng, tâm điểm trong chiến lược của các nước. Trong suốt quá trình diễn ra cuộc chiến tranh ở VN, TQ cũng có vị trí đặc biệt, tác động rất lớn đến chiến cục của cuộc chiến.

1.3. Vị trí của VN trong chiến lược của Mỹ – TQ

1.3.1. VN trong chiến lược toàn cầu của Mỹ

Trước đó, Mỹ không hề quan tâm đến khu vực Đông Nam Á cũng như VN, nhưng trong cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, khi Nhật chiếm đóng vùng này đã khiến Mỹ có cái nhìn khác về nơi đây: “*Mỹ nhận ra đó là nguồn cung cấp lương thực và nguyên liệu thô quan trọng đồng thời là một tiền đồn chiến lược bảo vệ các con đường thủy quan trọng trong khu vực Nam Á*” [10-tr.7].

Sau khi nhận thấy rõ tầm quan trọng của VN trong chiến lược của mình, Mỹ đã đặt VN lên vị trí hàng đầu trong chiến lược toàn cầu của mình. Bởi VN có một vị trí địa – chính trị quan trọng ảnh hưởng đến chiến lược của Mỹ. Bên cạnh đó, lúc này tình hình chính trị cũng như phong trào giải phóng

dân tộc ở VN cũng đang có ảnh hưởng mạnh mẽ đến chiến lược của Mĩ. Vì vậy mà Mĩ đặt trọng tâm chiến lược của mình lên cuộc chiến tranh ở VN.

Thứ nhất, vị trí địa lí của VN đã ảnh hưởng đến chiến lược của Mĩ và buộc Mĩ phải quan tâm đến VN và khu vực này nhiều hơn. Cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ở Đông Dương đã khiến cho Mĩ có phải thay đổi cách nhìn của mình. Sự thất bại của Pháp ở Đông Dương, sự thành lập của nước CHNDTH đã khiến cho Mĩ có một nhận định khác về khu vực này và nhìn nhận thực tế về sự phát triển của XHCN. Tất cả những điều này đều có tác động trực tiếp đến chiến lược toàn cầu của Mĩ: *“các nhà chiến lược Mĩ đã kết luận Đông Nam Á có tầm quan trọng sống còn đối với an ninh của Mĩ. Hội đồng an ninh quốc gia Mĩ khuyến cáo: Nếu khu vực này bị chủ nghĩa cộng sản kiểm soát, chúng ta sẽ phải gánh chịu một thất bại thảm hại về mặt chính trị mà ảnh hưởng của nó sẽ lan tràn trên toàn thế giới”* [10-tr.13].

Không chỉ vậy, với sự phát triển của XHCN đang lan rộng và ảnh hưởng ở khu vực này thì việc mất kiểm soát vùng Đông Nam Á cũng sẽ khiến cho Mĩ chịu tổn thất to lớn về mặt chính trị cũng như kinh tế mà sẽ tạo điều kiện cho khối XHCN phát triển mạnh mẽ. Bên cạnh đó, việc mất kiểm soát vùng Đông Nam Á cũng sẽ đe dọa trực tiếp đến vấn đề an ninh, phòng thủ của Mĩ ở Thái Bình Dương. *“Các nhà quan chức Mĩ đã nhất trí rằng Đông Dương, và đặc biệt là VN, là then chốt trong việc phòng thủ ở Đông Nam Á”*.

Một học thuyết tiếp tục được Mĩ đưa ra với tên gọi “học thuyết Đôminô” với việc tin rằng việc làm thất thủ Đông Dương sẽ dẫn tới sự sụp đổ chiến lược của Mĩ ở Đông Nam Á. *“Bộ tham mưu liên quân Mĩ lập luận tháng 4 năm 1950 rằng việc mất Đông Dương chắc chắn đưa đến việc mất các quốc gia lục địa Đông Nam Á, và với việc đó Nga sẽ kiểm soát “tiềm lực chiến tranh của Châu Á”, ảnh hưởng đến cán cân lực lượng”* [9-tr.57]. Sự liên kết của các nước Cộng sản đang là mối đe dọa lớn đến chính sách của Mĩ: *“nó sẽ làm cho địa vị của Mĩ trên dãy đảo ngoài khơi Thái Bình Dương trở nên bấp bênh và sẽ gây nguy hại nghiêm trọng cho lợi ích an ninh căn bản của Mĩ ở Viễn Đông”* [9-tr.58].

Từ sự nhìn nhận, đánh giá qua những phân tích của “học thuyết Đôminô” đã khiến cho Mĩ từ thái độ trung lập cho vấn đề ở Đông Dương đã chuyển sang viện trợ cho Pháp trong cuộc chiến tranh ở VN. Sự có mặt của

Mĩ trong cuộc chiến tranh ở VN đã đánh dấu việc Mỹ chính thức can thiệp và dính líu trực tiếp đến cuộc chiến tranh ở VN. Để ngăn chặn những gì đang diễn ra theo chiều hướng bất lợi cho Mỹ ở khu vực này, Mỹ đã có những chính sách để thực hiện những chiến lược của mình. VN chính là nơi để Mỹ thực hiện các chính sách đó, vì vậy mà Mỹ đã dần biến từ can thiệp đến trực tiếp tham chiến trên chiến trường VN.

Thứ hai, tình hình chính trị của VN lúc này cũng có tác động đến Mỹ và chiến lược của Mỹ. “*Việc Liên Xô công nhận Việt Minh ngày 30 – 1 – 1950, đã xác nhận niềm tin của Chủ tịch Hồ Chí Minh với Liên Xô và chủ nghĩa cộng sản. Đối với Mỹ, đây là một điềm xấu nghiêm trọng và đáng ngại, khi Stalin có ý định thúc đẩy tiến trình cách mạng tại Đông Nam Á*”. [9-tr.14].

Lúc này tình hình chính trị ở VN xoay quanh giữa VNDCCH ở miền Bắc và VNCH ở miền Nam. Cùng với đó là sự can thiệp của Mỹ ở miền Nam VN cũng như sự giúp đỡ của TQ, Liên Xô càng khiến cho tình hình chính trị càng rối ren. Chính những điều này đã có tác động rất lớn đối với chiến lược của Mỹ.

Trước tình hình chính trị ngày càng gây bất lợi cho Mỹ khi ngăn chặn CNCS đang có xu hướng mở rộng và ảnh hưởng đến khu vực Đông Nam Á, Mỹ đã chủ động đưa ra những kế hoạch, chiến lược để ngăn chặn tình hình đang diễn ra. Bằng việc chuyển từ việc viện trợ cho Pháp trong cuộc chiến tranh ở VN, Mỹ dần can thiệp sâu và dính líu trực tiếp trong cuộc chiến này.

Sự thất bại của Pháp cũng đánh dấu sự thất bại của Mỹ. Để cứu vãn tình hình, Mỹ đã cho thành lập chính phủ bù nhìn nhằm kiểm soát cũng như kiềm chế tình hình chính trị ở VN, “chính phủ Bảo Đại” là giải pháp của Mỹ lúc này nhằm kiểm soát tình hình ở VN. Nhưng trước những thay đổi nhanh chóng của tình hình chính trị thì “giải pháp Bảo Đại” cũng không đem lại sự thay đổi mà Mỹ mong muốn. Trước những thất bại của Pháp trên chiến trường VN đã thể hiện sự thất bại trong chiến lược của Mỹ, cuộc chiến này với khối viện trợ khổng lồ của Mỹ cho Pháp, đến 80% chiến phí trong cuộc chiến tranh thì lúc này đúng như Mỹ nói đó không còn là cuộc chiến của Pháp nữa mà đó là cuộc chiến của Mỹ.

Mỹ đã thất bại trong chính chiến lược mà mình đề ra và càng e ngại về vấn đề sự lan rộng của CNCS ở Đông Nam Á lúc này. Đối với Mỹ, VN không

đơn thuần chỉ là nơi cung cấp nguồn tài nguyên cho Mỹ mà đó còn là bức tường để Mỹ ngăn chặn sự lan rộng và ảnh hưởng của CNCS. Chính sự vươn lên mạnh mẽ, nhanh chóng của TQ và sự lan rộng của CNCS đã tác động rất lớn đến chính sách của Mỹ. Cán cân giữa hai phe XHCN VÀ TBCN lúc này đang ở thế ngang bằng nhau, và VN lúc này chính là điểm cân bằng của cán cân đó. Nước nào có được VN thì cán cân sẽ nghiêng về phía đó. Vì vậy, là chiến tranh VN lúc này đã nóng lại càng nóng hơn bao giờ hết.

Sau hiệp định Giơ – ne – vơ, Mỹ vẫn tiếp tục thực hiện chiến lược bành trướng của mình với tham vọng bá chủ thế giới. Và VN vẫn là tâm điểm trong chiến lược của Mỹ. Mỹ vẫn luôn coi Liên Xô và các nước XHCN là kẻ thù của mình. *“Kennedy cảnh báo: nếu làn thủy triều đỏ của chủ nghĩa cộng sản đổ vào VN thì phần lớn Châu Á sẽ bị đe dọa..... VN là con đẻ của chúng ta, chúng ta không thể bỏ rơi nó và cũng không thể làm ngơ trước những nhu cầu của nó”* [10-tr.43].

Vẫn không từ bỏ những tham vọng của mình sau những thất bại trước đó, sau hội nghị Giơ – ne – vơ, Mỹ đã đề ra một “chính sách mới” ở miền Nam VN, Mỹ muốn xây dựng lên một quốc gia VN ở miền Nam VN để ngăn chặn sự lan rộng của CNCS và đối đầu với VNDCCH ở miền Bắc VN. Việc xây dựng lên một quốc gia VN đã nằm trong chiến lược của Mỹ, để thực hiện điều này, Mỹ đã đẩy Pháp ra chiến trường VN và ngăn chặn cho cuộc tổng tuyển cử thống nhất VN. Từ việc viện trợ cho cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ở VN, Mỹ đã thay chân, hất cẳng Pháp ra khỏi VN và trực tiếp tham chiến tại đây. Mỹ đã nhúng tay vào nền chính trị ở Nam Kỳ bằng cách mà Mỹ đã dùng với Pháp cũng như thành lập các chính phủ bù nhìn như trước đó là viện trợ cho chính quyền Diệm. Sự viện trợ của Mỹ cho chính quyền Diệm đã giúp Mỹ dính líu ngày càng sâu vào chiến trường VN. *“Từ năm 1955 đến năm 1961, viện trợ quân sự chiếm hơn 78% tổng chương trình ngoại viện của Mỹ tại Nam VN”* [10-tr.61].

Dù việc xây dựng lên một quốc gia VN thân Mỹ, dựa vào Mỹ ở miền Nam VN trong chiến lược của Mỹ với những hi vọng sẽ là thay đổi đổi cục diện rối ren lúc này nhưng thực tế cho thấy chính quyền Diệm không hề mang lại những lợi ích mà Mỹ mong muốn và kết quả đó là cuộc đảo chính ở miền

Nam VN, sự thanh trừ Ngô Đình Diệm, anh em Diệm – Nhu bị ám sát, một chính quyền mới xuất hiện, đó là chính quyền Nguyễn Văn Thiệu – Nguyễn Cao Kỳ. Trong khi đó, Mĩ lại ủng hộ cho Nguyễn Khánh, nhưng cũng giống như Diệm, Nguyễn Khánh cũng không đem lại những hi vọng cho Mĩ. Khi chính quyền Diệm sụp đổ, vấn đề của Mĩ là việc ai sẽ thay thế Ngô Đình Diệm ở Nam VN, Nguyễn Khánh đã đem lại sự thất vọng cho Mĩ vì vậy mà chính quyền Mĩ cũng đã chấp nhận sự tồn tại của Nguyễn Văn Thiệu – Nguyễn Cao Kỳ.

Chính trong lúc này, bên cạnh tình hình chính trị bất ổn ở miền Nam VN, ở ngoài miền Bắc, nước VNDCCH đang tiến hành thời kì quá độ lên XHCN, đồng thời cũng tăng cường cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Và Mặt trận giải phóng dân tộc đang đạt được những thành tựu, những thắng lợi. Điều này càng khiến cho Mĩ phải e sợ trước sự phát triển của phong trào giải phóng. Trước những bại liên tiếp ở VN, chiến lược toàn cầu của Mĩ đã không có kết quả ở đây: *“VN là một di sản bi thảm nhất của chiến lược toàn cầu trong kỉ nguyên Kenedy. Trước đó, Kenedy đã rất quan tâm đến VN, nơi mà có lần vị Tổng thống này gọi là viên đá tảng của thế giới tự do ở Đông Nam Á”* [10-tr.82].

Thứ ba, giữa lúc tình hình chính trị ở VN đang ngày càng rối ren và bất ổn thì phong trào giải phóng dân tộc đang phát triển mạnh mẽ. Không những vậy, năm 1961, cuộc chiến tranh lạnh ngày càng căng thẳng, cuộc đối đầu giữa hai phe XHCN và TBCN mà đại diện cho hai phe này là Liên Xô và Mĩ ngày càng đối chọi gay gắt. Các phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa đang dâng cao và giành nhiều thắng lợi đã làm cho chiến lược của Mĩ có nhiều thay đổi và nhiều mối quan tâm. Lúc này, cuộc chiến tranh ở VN đang diễn ra với nhiều mqh và vấn đề chông chéo. VN trở thành tâm điểm trong quan hệ giữa các nước, ngăn cách giữa một bên là XHCN và một bên là TBCN.

Cùng với đó, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở VN đang dâng cao cùng với sự viện trợ của Liên Xô và TQ đã làm cho Mĩ càng e ngại trong vấn đề này. Mĩ xác định VN có vị trí đặc biệt quan trọng trong việc ngăn chặn sự ảnh hưởng của CNCS từ TQ xuống Đông Nam Á.

Trước những tình hình đó, sự kiện Vịnh Bắc Bộ như quả pháo nổ trực tiếp mở đầu trong cuộc chiến tranh VN và Mĩ, mở đường cho việc chiến tranh leo thang kéo dài ở VN. Trong khi đó, miền Nam VN ngày càng bế tắc về nền chính trị, tất cả đều dựa vào Mĩ: *“học thuyết Mĩ, trang bị Mĩ, tiền của Mĩ. Từ tháng 11-1963 đến tháng 7-1965, Lyndon Baines Johnson đã chuyển từ cam kết giúp đỡ hạn chế sang cam kết không hạn chế để duy trì một chính quyền Nam VN phi cộng sản và độc lập. Nhưng đến năm 1965, sự sống còn của Nam VN trở nên bấp bênh hơn bao giờ hết, và trong 6 tháng sau đó, Johnson đã có những quyết định mang đầy tính định mệnh: Thực hiện Chiến dịch oanh tạc liên tục đối với miền Bắc VN và điều các lực lượng bộ binh Mĩ sang để dập tắt phong trào cách mạng đang dâng lên mạnh mẽ ở Nam VN. Đến tháng 7-1965, Mỹ đã trực tiếp dính vào cuộc chiến tranh quy mô lớn ở lục địa châu Á”* [10-tr.122]. Mĩ đã chính thức tham chiến trực tiếp ở VN, từ việc can thiệp, viện trợ, Mĩ đã đưa người, đưa vũ khí, cố vẫn trực tiếp tham chiến tại VN. Mĩ đã lần lượt đưa ra các chiến lược nhằm biến miền Nam VN thành thuộc địa kiểu mới của mình. Mĩ đã ồ ạt đưa người và vũ khí đến VN, thực hiện các chiến lược chiến tranh.

Từ năm 1960, Mĩ đã tiến hành chiến lược “chiến tranh đặc biệt” với âm mưu dùng “người Việt đánh người Việt” ở miền Nam VN. Đối với chiến lược này, Mĩ đã đề ra kế hoạch Xtalay – Taylo nhằm bình định miền Nam. Mĩ – Diệm đã bắt tay xây dựng các “áp chiến lược” và sử dụng các chiến thuật mới như “trục thăng vận”, “thiết xa vận”. Áp chiến lược được coi là xương sống của chiến lược chiến tranh đặc biệt và được nâng lên thành quốc sách. Mĩ còn thành lập cả MACV để trực tiếp chỉ huy quân đội Sài Gòn.

Sau thất bại của chiến lược chiến tranh đặc biệt, Mĩ đã nhanh chóng đề ra một chiến lược mới ở VN đó là “chiến lược chiến tranh cục bộ”. Đây là loại hình xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng lực lượng quân Mĩ, quân một số nước đồng minh của Mĩ (quân Hàn Quốc, Thái Lan, Philippin,...) và quân đội Sài Gòn. Với chiến lược này, Mĩ âm mưu nhanh chóng tạo ra ưu thế về binh lực và hỏa lực có thể áp đảo quân chủ lực của ta bằng chiến lược quân sự mới “tìm diệt” nhằm cố giành lại thế chủ động trên chiến trường, đẩy lực lượng của VNDCCH về phòng ngự, buộc quân đội của

VNDCCH phải phân tán nhỏ, hoặc rút về biên giới, làm cho chiến tranh tàn lụi dần.

Tuy nhiên, chiến lược này của Mĩ cũng nhanh chóng thất bại, cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968 của quân dân VNDCCH đã đánh bại trực tiếp âm mưu của Mĩ, làm phá sản chiến lược chiến tranh cục bộ và tuyên bố “phi Mĩ hóa chiến tranh”, chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán ở Pari.

Sau đó, Mĩ đề ra chiến lược “VN hóa chiến tranh” và mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương, thực hiện chiến lược “Đông Dương hóa chiến tranh”. Với chiến lược “VN hóa chiến tranh” Mĩ đã sử dụng lực lượng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hỏa lực, không quân, hậu cần Mĩ và vẫn do Mĩ chỉ huy bằng hệ thống cố vấn. Mĩ tiếp tục tiến hành chiến lược với âm mưu “dùng người Việt đánh người Việt”, các cuộc hành quân sang Lào, Campuchia cũng được tiến hành nhằm thực hiện âm mưu “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”.

Trước tình hình đó, quân dân VNDCCH lại một lần nữa đánh bại âm mưu của Mĩ. Cuộc tiến công chiến lược 1972 đã giáng một đòn nặng nề, bất ngờ vào chiến lược của Mĩ, buộc Mĩ phải tuyên bố Mĩ hóa trở lại chiến tranh xâm lược, tức thừa nhận sự thất bại chiến lược VN hóa chiến tranh. Sau sự kiện này, Mĩ đã cho ném bom lần hai phá hoại miền Bắc VN, quân dân Hà Nội đã phối hợp tiến hành chống cuộc chiến tranh phá hoại lần hai của Mĩ, làm trận “Điện Biên Phủ trên không”, giáng một đòn mạnh mẽ vào những chiến lược, âm mưu của Mĩ cũng như làm dấy lên dư luận thế giới. Sau những thất bại liên tiếp tại VN, Nhà Trắng đã phải xem lại những chiến lược của mình ở VN. Mĩ đã phải ngồi vào bàn đàm phán, kí kết hiệp định Pari chấm dứt chiến tranh ở VN.

Như vậy, với vị trí địa lí đặc biệt đã thu hút sự chú ý và quan tâm đặc biệt của Mĩ ở VN. Từ việc không để tâm đến khu vực này, Mĩ đã coi VN là một trung tâm trong chiến lược của Mĩ. Từ việc xác định vị trí, Mĩ cũng đã lợi dụng tình hình chính trị của VN để can thiệp sâu và trực tiếp tham chiến ở VN. Mĩ đã chuyển từ can thiệp, dính líu trực tiếp đến trực tiếp tham chiến tại VN. Với một vị trí địa chính trị đặc biệt, và phong trào giải phóng dân tộc

đang dâng cao Mĩ đã dựa vào tình hình chính trị bất ổn ở miền Nam VN để can thiệp vào cuộc chiến tranh ở VN nhằm biến VN trở thành con át chủ bài trong chiến lược của mình.

Mục đích cao hơn của Mĩ đã là dùng VN làm địa điểm để ngăn chặn “làn sóng cộng sản” đang tràn vào Đông Nam Á. Trước bối cảnh cuộc chiến tranh lạnh đang gay gắt, cuộc đối đầu Xô – Mĩ ngày càng căng thẳng, và sự vươn lên mạnh mẽ của CHNDTH, Mĩ đã phải có những chiến lược để ngăn chặn sự lan rộng của CNCS. Chính vì vậy mà Mĩ đã chọn VN làm bức tường thành để ngăn cách làn sóng xuống Đông Nam Á. Biến Nam VN thành thuộc địa kiểu mới của Mĩ, tiến hành cuộc chiến tranh trực tiếp với VNDCCH. VN là tâm điểm trong chiến lược của Mĩ, và chiến tranh VN là hành động của Mĩ nhằm ngăn chặn làn sóng đỏ.

1.3.2. VN trong chiến lược của TQ

Ngay từ thời phong kiến, hai nước đã thiết lập mqh ngoại giao với nhiều hình thức khác nhau. Bên cạnh đó các cuộc xung đột, chiến tranh cũng diễn ra thường xuyên. TQ, dù bất cứ ở thời đại nào cũng luôn cho mình là thiên triều, là trung tâm và coi các nước xung quanh mình là “man di”. Vì vậy, mà VN cũng nằm ngoài vòng của TQ, dù là đặt thiết lập quan hệ ngoại giao thì TQ vẫn coi VN là một nước chư hầu của mình. Dù ở thời điểm nào, tư tưởng Đại Hán vẫn thấm nhuần trong tinh thần và suy nghĩ của người TQ. “*Mqh VN – TQ có thể tóm gọn là “vừa đấu tranh, vừa hợp tác”* [26].

Thứ nhất, vị trí địa lí, cũng giống như với Mĩ, VN có một vị trí địa chính trị quan trọng đối với TQ. Đây là cửa ngõ để TQ mở rộng sự ảnh hưởng của mình xuống khu vực Đông Nam Á. Với vị trí “núi liền núi, sông liền sông” giữa VN và TQ đã tạo điều kiện cho sự thiết lập mqh giữa hai nước.

Không chỉ vậy, với vị trí của VN, đây là trung tâm để TQ có thể mở rộng phạm vi ảnh hưởng của mình xuống Đông Nam Á. TQ coi VN là trung tâm để truyền bá tư tưởng Cộng sản TQ rồi từ trung tâm này sẽ lan tỏa ra các nước trong khu vực. Chính vì với vị trí chiến lược như vậy mà VN luôn là một trung tâm ở khu vực Đông Nam Á trong chiến lược của TQ.

Bên cạnh đó, VN cũng là một quốc gia có tài nguyên thiên nhiên dồi dào, phong phú sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế của TQ nếu

như kiểm soát được VN. Chính vì vậy mà VN luôn nằm trong chiến lược phát triển của TQ. Mưu đồ này đã được thể hiện rõ trong lời phát biểu của Mao Trạch Đông trong cuộc họp của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản TQ năm 1965: *“Chúng ta phải giành cho được Đông Nam Châu Á, bao gồm cả miền Nam VN, Thái Lan, Miến Điện, Malaixia và Singapo,... Một vùng như Đông Nam Châu Á rất giàu, ở đây có rất nhiều khoáng sản... xứng đáng với sự tốn kém cần thiết để chiếm lấy. Sau khi giành được Đông Nam châu Á, chúng ta có thể tăng cường được sức mạnh của chúng ta ở vùng này, lúc đó chúng ta sẽ có sức mạnh đương đầu với khối Liên Xô – Đông Âu, gió Đông sẽ thổi bạt gió Tây”* [22-tr.9].

Thứ hai, về mặt chính trị, bắt đầu từ năm 1949, khi quan hệ ngoại giao giữa hai nước CHNDTH và VNDCCH được thành lập thì mqh đó lại là một trong những điểm nóng của thế giới. Từ đó, quan hệ VN – TQ lại bước sang một trang mới.

Trong cuộc đấu tranh chống Pháp của VN, TQ giữ vai trò đặc biệt để làm nên chiến thắng của VN. Với vai trò là nước “đồng minh” với VN, TQ đã viện trợ một khối lượng lớn quân trang, vũ khí, lương thực,... cho VN; chính nhờ khối viện trợ này đã giải quyết tình trạng khó khăn trong cuộc cách mạng của VN. Chính vì khối viện trợ này mà TQ đã có mặt trong Hội nghị Giơ – ne – vơ để bàn về vấn đề chấm dứt chiến tranh VN. Sự can thiệp của TQ trong việc kí kết Hiệp định này đã khiến cho tình hình chính trị ở VN ngày càng rối ren và không theo dự kiến ban đầu của Chủ tịch Hồ Chí Minh và nước VNDCCH. Nhờ vào sự rối ren đó đã tạo điều kiện cho TQ thực hiện những chiến lược để thỏa mãn được tham vọng của mình.

Những quyết định trong Hội nghị Giơ – ne – vơ về vấn đề chấm dứt chiến tranh ở VN đã có tác động rất lớn với vai trò của các nước lớn như Liên Xô, TQ, Mĩ, Pháp,... TQ có mặt trong Hội nghị với tư cách là nước viện trợ cho VN trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Với những ý muốn riêng của mình, TQ đã không thực sự quan tâm đến vấn đề độc lập của VN. Đến với Hội nghị với mục tiêu nhanh chóng đạt được một giải pháp hòa bình ở Đông Dương, nhằm tránh mọi sự can thiệp của Mĩ, tránh quốc tế hóa của chiến tranh ở Đông Dương và đẩy chiến tranh ra xa miền biên giới phía Nam của TQ.

Bên cạnh đó TQ còn có mục tiêu quan trọng hơn đó là nhanh chóng bình thường hóa quan hệ với các nước Tây Âu, trước hết là về kinh tế, thương mại ngoại giao nhằm phá vỡ thế bao vây, cấm vận của Mỹ, có một chỗ đứng vững chắc trong Liên Hợp Quốc để giải quyết vấn đề Đài Loan. Với những mục tiêu như vậy, TQ muốn VNDCCH chấp nhận bản Hiệp định không tương xứng với những chiến thắng trên mặt trận quân sự mà VN đạt được. TQ đã không quan tâm đến những người Cộng sản, những người bạn “đồng minh” của mình để thỏa hiệp với các nước phương Tây trong các giải pháp phân chia lãnh thổ ở VN, Lào, Campuchia. Trưởng đoàn Đại biểu của TQ Chu Ân Lai đã tuyên bố tại hội nghị rằng: *“Ba nước Đông Dương sẽ không tham gia bất kì một khối liên minh quân sự nào và không một nước ngoài nào được phép đặt căn cứ quân sự trên lãnh thổ của họ.”* Tuyên bố của TQ được kết thúc bằng câu: *“Chúng ta hãy hết sức tin tưởng và tiếp tục đấu tranh để bảo vệ hòa bình thế giới.”* [7-tr.299,tr.306].

Vì vậy mà trong suốt quá trình diễn ra Hội nghị, TQ đã giữ vai trò thúc đẩy VN nhân nhượng, họ yêu cầu VN không đưa ra những điều kiện công bằng và hợp lí nhằm nhanh chóng giúp chính phủ Pháp có thể đi đến Hiệp định. Họ cho rằng điều kiện đưa ra nên giản đơn, rõ ràng để dễ đi đến hiệp thương, không nên làm phức tạp để tránh thảo luận mất thì giờ, rườm rà, kéo dài đàm phán khiến Hoa Kỳ có lí do phá hoại. Trong cuộc tiếp xúc với phái đoàn Pháp, TQ đã thể hiện rõ lập trường không có lợi cho VN trên bàn đàm phán, và thống nhất quan điểm chia cắt VN thành hai miền. Đây cũng chính là nguyên do chính khiến cho VN bị chia cắt thành hai miền, lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự và âm mưu biến nó thành biên giới giống như việc giải quyết vấn đề Triều Tiên.

Sau hiệp định Giơ – ne – vơ, TQ vẫn tiếp tục tiến hành những mục tiêu, chiến lược của mình ở VN. Hội nghị Giơ – ne – vơ đã nâng vị thế của TQ trên trường quốc tế lên một tầng cao mới, từ đây TQ cũng đã bắt đầu thực hiện các chính sách của mình đối với các nước khác, đặc biệt là trong khu vực châu Á. Các chính sách của TQ đã ngày càng mở rộng sự hiện diện của mình trong khu vực và càng muốn chứng tỏ vị thế của mình đối với các nước. Sự vươn lên của TQ không chỉ là sự phô bày sức mạnh của họ mà còn cho thấy sự phát triển của CNXH đang lan rộng.

Mục tiêu cao hơn cả của TQ là trở thành nước đứng đầu, trở thành “anh cả” của phe xã XHCN, vì vậy mà TQ luôn có những chiến lược riêng của mình để thực hiện mục tiêu đó. Tại Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản TQ, chủ tịch Mao Trạch Đông đã nói: *“chúng ta phải trở thành quốc gia hàng đầu về phát triển văn hóa, khoa học kỹ thuật và công nghiệp... không thể chấp nhận rằng sau một vài chục năm chúng ta vẫn chưa trở thành cường quốc số một trên thế giới.”*

Sau đó, năm 1959, tại Hội nghị của Quân ủy Trung ương, chủ tịch Mao Trạch Đông lại nói: *“Chúng ta phải chinh phục trái đất. Đó là mục tiêu của chúng ta”*. Chính những phát biểu đó đã làm cho thế giới có cái nhìn khác về TQ, thể hiện những tham vọng của TQ, TQ chưa bao giờ chịu chấp nhận sự thụt lùi của mình kể từ khi sau chiến tranh thế giới thứ nhất. Những tham vọng này được TQ thực hiện ngay khi nước CHNDTH được thành lập. Trong chiến lược của TQ: *“nếu họ coi Liên Xô và Mĩ là những đối tượng chủ yếu cần phải chiến thắng, thì họ coi VN là một đối tượng quan trọng cần phải khuất phục và thôn tính để dễ bề đạt được lợi ích chiến lược của họ”* [22-tr.5].

Những viện trợ của TQ dành cho VNDCCH cũng chỉ xuất phát từ những chiến lược của TQ. Lúc này, CHNDTH mới thành lập, còn chưa có được vị thế trên trường quốc tế cũng như chưa có sự ảnh hưởng đối với các nước XHCN nên dù vẫn đang khó khăn về mọi mặt, TQ vẫn tuyên bố sẽ giúp đỡ VN và các nước xã hội chủ nghĩa trên mặt trận giải phóng dân tộc.

Để đạt được những mục tiêu của mình, TQ đã không ngần ngại thay đổi chiến lược: *“từ chỗ coi Liên Xô là đồng minh lớn nhất, họ đi đến coi Liên Xô là kẻ thù nguy hiểm nhất. Từ chỗ coi đế quốc Mĩ là kẻ thù nguy hiểm nhất mà bản chất không bao giờ thay đổi, họ đi đến coi đế quốc Mĩ là đồng minh tin cậy, câu kết với đế quốc Mĩ và trắng trợn tuyên bố TQ là NATO ở phương Đông”* [22-tr.4].

Đặc biệt, từ những năm 1950, mqh Liên Xô – TQ đã có những bất đồng về quan điểm. Các nhà chính trị của hai phía đều có những suy nghĩ và mục đích riêng của mình, điều này đã làm tác động mạnh mẽ đến quan hệ của hai nước.

Từ năm 1960 đến năm 1972, những bất đồng ngày càng được bộc lộ, mâu thuẫn ngày càng gay gắt, đỉnh điểm cho mqh này là Liên Xô – TQ đã chuyển từ những người bạn đồng minh sang thế đối đầu, chấm dứt mqh ngoại giao giữa hai nước, cả hai đều có những chiến lược riêng để khẳng định vị thế của mình. Điều này đã đặt VN vào một tình huống cân bằng giữa hai bên. TQ càng muốn khẳng định vị thế của mình với VN, muốn lan rộng sự ảnh hưởng và khẳng định vai trò của mình với VN và các nước XHCN.

Thứ ba, phong trào giải phóng dân tộc ở VN đã có tác động rất lớn đối với chiến lược của TQ. Ngay từ thời điểm tiến vào Hội nghị Giơ – ne – vơ, TQ đã có những chiến lược riêng của mình để kìm hãm sự phát triển của VNDCCH. TQ muốn biến VNDCCH thành một nước lệ thuộc vào TQ và cũng giống như cuộc chiến tranh Triều Tiên, biến ranh giới quân sự tạm thời đó sẽ là đường biên giới của hai nước. Tuy nhiên, sự phát triển mạnh mẽ của phong trào giải phóng dân tộc ở VN đã làm cho chiến lược của TQ không hề đi theo cái quỹ đạo mà của chiến lược đề ra.

Vào thời điểm những năm 1969 – 1972, cuộc chiến tranh ở VN ngày càng lên cao và giành nhiều thắng lợi, còn Mĩ thì ngày càng sa lầy trên chiến trường. TQ đã lợi dụng tình thế đó, TQ đã thực hiện chiến lược tăng cường chống Liên Xô đồng thời thỏa hiệp với Mĩ, và biến VN thành con bài của mình trong việc thực hiện chiến lược xóa bỏ “thế giới hai cực” và thực hiện “thế giới đa cực”. TQ đã dùng vấn đề VN để thỏa hiệp với Mĩ, đổi vấn đề VN lấy việc Mĩ rút khỏi Đài Loan. Cũng với mục đích đó, trong Hiệp định Pari, TQ vẫn muốn giữ nguyên trạng miền Nam VN. VN luôn có vị trí quan trọng trên bàn cờ chiến lược của TQ, là con bài để TQ thực hiện mưu đồ bá chủ của mình.

Để thực hiện tham vọng này, TQ cần phải làm cho VN lệ thuộc vào mình, để VN làm bàn đạp tiến hành xuống phía dưới. Họ tiến hành viện trợ, giúp đỡ VN trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, họ lấy có là nước đồng minh để nhằm can thiệp vào tình hình chính trị của VN. TQ luôn coi VN là nhân tố quan trọng hàng đầu trong chiến lược bành trướng ra bên ngoài của mình. Chiến tranh VN là điều kiện để TQ thực hiện chiến lược của mình.

Như vậy, với tham vọng bành trướng của mình, TQ đã có những chiến lược để tiến hành những tham vọng đó. Ngay từ khi được thành lập, nước CHNDTH đã có những chiến lược nhằm thực hiện những kế hoạch của mình, bên ngoài, họ tuyên bố với thế giới rằng VNDCCH là người bạn đồng minh, hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao để cùng nhau phát triển, cùng nhau đấu tranh chống Pháp và đế quốc Mĩ nhưng thực chất TQ lại luôn coi VN là con cờ của mình trên bàn cờ đối ngoại. TQ đã dựa vào việc viện trợ cho VN trong cuộc chiến tranh để lấy cơ can thiệp vào cuộc chiến tranh VN nhằm can thiệp vào nền chính trị VN. TQ lấy VN làm bàn đạp để nâng cao vị thế của mình trên trường quốc tế, mở rộng sự bành trướng xuống khu vực Đông Nam Á, và tạo ra một trật tự thế giới đa cực trong đó TQ sẽ nắm vai trò chủ chốt.

Tiểu kết chương 1

Sau thế chiến thứ hai, mqh giữa các nước trên thế giới có nhiều thay đổi. Thế giới chia làm 2 phe: XHCN do Liên Xô đứng đầu và TBCN do Mĩ đứng đầu. Tình hình đối lập đã đưa đến cuộc chiến tranh lạnh căng thẳng, Giữa lúc này cuộc chiến tranh ở VN đã có tác động rất lớn đến thế cục giữa hai phe. Mĩ từ một nước là nước viện trợ cho thực dân Pháp trong chiến tranh xâm lược VN 1945 – 1954 đã can thiệp, dính líu, tham chiến trực tiếp trong cuộc chiến tranh ở VN.

TQ là nước viện trợ cho VN trong hai cuộc chiến tranh với những chiến lược của mình. VN và cuộc chiến tranh ở VN trở thành một tâm điểm trong quan hệ giữa các nước, trong chiến lược của các nước. Mĩ ban đầu không đặt VN trong chiến lược của mình, những sự ảnh hưởng và lan rộng của phe XHCN cũng như sự thành lập và vươn lên mạnh mẽ của CHNDTH đã làm thay đổi chiến lược của Mĩ ở khu vực châu Á cũng như ở VN, Mĩ đã coi VN là tâm điểm trong chiến lược của mình, bức tường để ngăn chặn sự lan rộng của làn sóng cộng sản xuống khu vực Đông Nam Á.

Đối với TQ, một nước có vị trí và mqh đặc biệt và phức tạp đối với VN. Sự thành lập của nước CHNDTH năm 1949 đã có tác động rất lớn đối với chiến cục thế giới. TQ là nước đầu tiên công nhận và thiết lập quan hệ

ngoại giao với VN, từ đây mqh giữa hai nước có nhiều phức tạp. Trong hai cuộc kháng chiến của VN, TQ đã viện trợ một khối lượng lớn về vũ khí, quân trang, người cho VN. Nhờ sự viện trợ này, TQ muốn can thiệp vào VN, VN luôn nằm trong chiến lược của TQ. TQ coi VN là bàn đạp để mở rộng sự ảnh hưởng của mình xuống khu vực Đông Nam Á, cũng như những tính toán của TQ nhằm thay thế vị trí đứng đầu của Liên Xô trong phe XHCN. Chiến tranh VN đã tạo điều kiện cho TQ thực hiện những chiến lược của mình. Từ 1969 – 1972, cuộc chiến tranh ở VN đang bước vào giai đoạn nước rút và cuộc chiến của Mĩ đang bước vào giai đoạn leo thang, tình hình thế giới có nhiều thay đổi. VN lại càng là tâm điểm, điểm nóng trên bàn cờ đối ngoại giữa các nước.

Chương 2

TÁC ĐỘNG CỦA CHIẾN TRANH VN ĐỐI VỚI QUAN HỆ MỸ - TRUNG GIAI ĐOẠN 1969-1972

2.1. Quá trình hòa dịu trong mqh Mỹ – TQ giai đoạn 1969 – 1972

TQ với những tham vọng của mình đã ngày càng khẳng định được vị thế và mở rộng tầm ảnh hưởng trong khu vực. Chính điều này đã dẫn đến một cuộc xung đột lịch sử trong phe XHCN đó là sự đối đầu giữa Liên Xô – TQ giai đoạn 1962 – 1972. Nguồn gốc của sự đối đầu này bắt nguồn ngay từ khi TQ đang diễn ra cuộc nội chiến giữa quân Giải Phóng và lực lượng Quốc dân đảng, trong cuộc chiến này quân Giải Phóng đã nhận được rất nhiều sự giúp đỡ của Liên Xô. Tuy nhiên với sự “bằng mặt không bằng lòng” giữ những nhà chính trị của hai quốc gia cũng như những tham vọng của hai nước đã khiến cho mqh dần trở nên bất đồng. Cuộc gặp gỡ giữa Tổng bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô N.Khorusốp và Tổng thống Mỹ Dwight Eisenhower càng làm cho mqh giữa hai nước ngày càng căng thẳng. Những mâu thuẫn ngầm trước đó đến nay đã bùng phát và công khai. Đặc biệt của cuộc xung đột biên giới Xô – Trung năm 1969 đã đẩy mqh giữa hai nước lên đến đỉnh điểm, và quan hệ hai nước chuyển từ đồng minh sang đối đầu trực diện.

Cuộc xung đột Xô – Trung đã có tác động rất lớn đối với tình hình thế giới. Mqh giữa các nước có sự thay đổi, và chính sự chia rẽ Xô – Trung đã có tác động trực tiếp đến cuộc chiến tranh ở VN. Cũng chính sự xung đột này đã tạo điều kiện cho Mỹ tiến hành cuộc ngoại giao mà theo Mỹ thấy sẽ có lợi cho Mỹ. Và cũng từ sự kiện này đã đặt VN trở thành tâm điểm trong chiến lược của các nước. TQ, Liên Xô dùng vấn đề VN để đối thoại với Mỹ, và Mỹ dùng mâu thuẫn giữa TQ, Liên Xô để gây áp lực cho cuộc chiến tranh ở VN.

Chiến tranh VN từ 1954 đến 1975 luôn có sự chi phối của các nước lớn. Đặc biệt trong giai đoạn 1969 – 1972, ba nước Mỹ – Xô – Trung luôn có tác động đến chiến cục trong cuộc chiến tranh VN. Với vai trò là hai nước anh cả trong phe XHCN, Liên Xô, TQ luôn muốn mở rộng sức ảnh hưởng của mình trong khu vực, còn Mỹ muốn ngăn chặn sự lan rộng của CNCS. Mqh giữa Liên Xô, TQ và Mỹ luôn là thế đối đầu, đại diện cho hai phe: XHCN và

TBCN; nhưng chính sự chia rẽ Liên Xô – TQ đã khiến cho mqh này có sự thay đổi. Từ một tam giác chiến lược cân bằng đã chuyển sang tam giác không cân, khi Mĩ – TQ xích lại gần nhau và quan hệ Liên Xô – TQ tách ra. Mâu thuẫn Liên Xô – TQ cũng là một trong những nguyên nhân làm cho mqh Mĩ – TQ lại gần với nhau hơn. Quan hệ Mĩ – TQ chuyển từ thế đối đầu sang thế hợp tác để đôi bên cùng có lợi.

Khi mqh Liên Xô – TQ mâu thuẫn, Mĩ nhận thấy đó là thời cơ để Mĩ tiến hành một cuộc “ngoại giao bóng bàn” nhằm duy trì vị thế của Mĩ, đồng thời giảm bớt sức mạnh của phe XHCN khi chính hai nước lớn trong phe đang có cuộc xung đột, đồng thời Mĩ cũng muốn dựa vào những mâu thuẫn này để giảm bớt sự ảnh hưởng của phe XHCN.

Quan hệ Trung – Mĩ được bình thường hóa trở lại được đánh dấu bằng sự kiện chuyến thăm của Tổng thống Mĩ Richard Nixon năm 1972. Sự kiện này có tác động rất lớn đến lịch sử ngoại giao của hai nước cũng như tác động rất lớn đến tình hình thế giới. TQ *“từ việc coi Liên Xô là đồng minh lớn nhất, họ đi đến coi Liên Xô là kẻ thù nguy hiểm nhất. Từ chỗ coi đế quốc Mĩ là kẻ thù nguy hiểm nhất mà bản chất không bao giờ thay đổi, họ đi đến coi đế quốc Mĩ là đồng minh tin cậy...”* [22-tr.4].

Sự kiện này được bắt đầu khi đội tuyển bóng bàn của TQ tham gia giải bóng bàn vô địch thế giới được tổ chức ở Nhật vào tháng 4 năm 1971. Sự kiện này đã mở ra một thời kì ngoại giao giữa hai nước hay nói cách khác đó là nền “ngoại giao bóng bàn”. Chính Thủ tướng Chu Ân Lai đã nói: *“Quý vị đã mở ra một chương mới trong quan hệ giữa nhân dân Mĩ và TQ. Tôi tin tưởng rằng bước khởi đầu mqh hữu nghị này chắc chắn sẽ nhận được sự ủng hộ của đa số nhân dân hai nước.”* Để đáp lại tín hiệu đó, cùng ngày hôm đó Chính phủ Mĩ cũng đã dỡ bỏ lệnh cấm vận thương mại kéo dài 20 năm chống Trung Hoa cộng sản của Chủ tịch Mao Trạch Đông.

Tiếp đó, từ ngày 11 – 4 đến 17 – 4 – 1971 đội tuyển hai nước đã chơi các trận giao hữu, thăm Vạn Lý Trường Thành và Cung điện mùa hè tại Bắc Kinh, gặp gỡ với sinh viên và công dân TQ, tham dự các sự kiện xã hội ở các thành phố lớn của TQ. Một năm sau, các tay vợt TQ cũng đã sang thăm Mĩ,

chơi hàng loạt trận đấu giao hữu thể hiện “tình hữu nghị là trên hết”. Không phải ngẫu nhiên mà mqh hai nước từ thể đối đầu chuyển sang hợp tác như vậy. Trước đó những nhà chính trị của hai nước đã có những cuộc gặp bí mật để cải thiện tình trạng hai nước.

Ngày 5 tháng 10 – 1970, Tổng thống Nixon tuyên bố trên báo Times rằng: *“có điều gì đó tôi muốn làm trước khi chết, đó là đi TQ. Nếu tôi không đi được tôi muốn các con tôi đi”* [27] cho thấy rõ rằng sự “thiện chí” của Nixon đối với TQ.

Và điều này đã diễn ra trên thực tế, vào ngày 17 – 2 - 1972, Tổng thống Nixon đã chính thức đáp phi cơ đến Bắc Kinh – TQ. Sự kiện này làm chấn động thế giới. Ngày 21 – 2 – 1972, Mark Frankel của tờ New York Times viết: *“Cả hai bên đều đã “nhúc nhích” ra khỏi các lập trường cố hữu của mình, những nhượng bộ của họ lại tùy thuộc nơi những hành động trong tương lai.”* Và kết quả của cuộc gặp gỡ này đó là một tuyên bố chung giữa Mĩ và TQ để xác lập lại mqh giữa hai nước đó là Thông cáo chung Thượng Hải.

Nội dung chủ yếu của Thông cáo là cả hai nước cam kết đi đến “bình thường hóa” quan hệ, và để mở rộng “tiếp xúc giữa người với người” cùng các cơ hội làm ăn. Trong một tham chiếu úp mở dành cho Liên Xô, thông cáo tuyên bố rằng trong hai quốc gia, không nước nào “tìm kiếm quyền bá chủ trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương và mỗi nước chống lại các nỗ lực của bất kỳ nước nào khác hoặc nhóm các nước khác để thiết lập quyền bá chủ”.

1. *“Đề cập đến tình hình Đông Dương, Chính phủ Hoa Kỳ khẳng định lại mục đích của mình là tìm cách giải quyết vấn đề VN bằng thương lượng, giữ vững quan hệ chặt chẽ với Nam Triều Tiên và Nhật Bản.*
2. *Chính phủ TQ khẳng định “sự ủng hộ vững chắc” nhân dân Đông Dương, mong muốn thấy Triều Tiên thống nhất, phản đối việc phục hồi chủ nghĩa quân phiệt Nhật.*
3. *Trong vấn đề Đài Loan, Hoa Kỳ công nhận Đài Loan là một bộ phận của TQ, nhưng phản đối việc dùng vũ lực để thống nhất Đài Loan; TQ không đặt việc*

rút ngay quân đội Hoa Kỳ khỏi Đài Loan và chấm dứt quan hệ với Đài Loan là điều kiện để phát triển quan hệ với Hoa Kỳ.

4. *Thoả thuận cùng phối hợp hành động để phát triển sự hợp tác và trao đổi khoa học kỹ thuật, văn hoá, thể thao, thương mại giữa hai nước.”*

Với bản Thông cáo này thì mqh TQ – Mĩ đã chính thức hòa dịu lại. Dù rằng cái bắt tay giữa Nixon và Chu Ân Lai là cái bắt tay chính trị, bên nào cũng có những chiến lược riêng của mình với những tính toán ngầm với nhau nhưng cái bắt tay này cũng đã làm cho mqh của hai nước xích lại gần nhau hơn kể từ khi nước CHNDTH được thành lập. Mqh giữa hai nước sau nhiều năm đã có sự thay đổi, xích lại gần nhau theo chiều hướng cạnh tranh, hợp tác đôi bên cùng có lợi.

2.2. Chiến tranh VN làm vô hiệu hóa tính toán của các nước lớn

2.2.1. Cuộc chiến trên mặt trận quân sự

Để đạt được những tham vọng và mục đích của mình, Mĩ đã bỏ qua dư luận thế giới, bất chấp mọi thủ đoạn để ngày càng lấn sâu trong cuộc chiến tranh VN. Những thất bại của Mĩ trong chiến tranh VN càng thể hiện sự leo thang của Mĩ. Sau những thất bại liên tiếp trong các chiến lược “chiến tranh đặc biệt, chiến tranh cục bộ” ở VN, Mĩ đã tiếp tục đề ra những chiến lược chiến tranh mới nhằm cứu vãn tình thế ở VN.

Giai đoạn từ năm 1961 – 1969 là giai đoạn mà Mĩ đặt VN lên vị trí hàng đầu trong chiến lược toàn cầu của Mĩ. Tuy nhiên đến năm 1969, cuộc chiến giữa Mĩ và VN đã đi quá tầm kiểm soát của Mĩ, một cuộc chiến tranh leo thang kéo dài với các chiến lược liên tiếp được Mĩ đưa ra nhằm cứu vãn tình thế. Nhưng đáp lại sự cứu vãn đó là sự thất bại liên tiếp của Mĩ và chính quyền thân Mĩ ở miền Nam VN. Sau thất bại hàng loạt của chiến lược chiến tranh đặc biệt, chiến tranh cục bộ Mĩ đã tiếp tục đưa ra chiến lược mới “VN hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh” nhằm xuống thang cuộc chiến tranh.

Ngay từ năm 1966, chính Bộ trưởng quốc phòng Mĩ Robert McNamara – người chịu trách nhiệm chính cho cuộc chiến chống cộng tại VN đã thừa nhận sự thất bại của mình đối với cuộc chiến ở VN. Một bản báo cáo

dài được gửi đến Tổng thống Lyndon Johnson để thừa nhận sự bế tắc về chiến lược đang diễn ra ở VN, không có chiến lược nào để kết thúc chiến tranh theo hướng có lợi cho chính quyền Sài Gòn. Vì vậy vấn đề kết thúc chiến tranh VN đã gây ra nhiều tranh cãi đối với Mỹ. Năm 1969, khi Nixon lên cầm quyền, trong bài phát biểu ngày nhận chức của mình ông đã nói rằng: *“Nước Mỹ đang có khủng hoảng về tinh thần, mắc kẹt trong chiến tranh, cấu xé và chia rẽ nội bộ. Cuộc chiến tranh VN đã gây ra những căng thẳng gay gắt với nước Mỹ không riêng về mặt kinh tế, quân sự mà cả xã hội cũng như chính trị. Sự bất đồng cay đắng đã xé rách cơ cấu đời sống tinh thần nước Mỹ, và bất kể kết quả chiến tranh như thế nào, vết xé rách vẫn còn lâu mới lành.”* [10-tr.256].

Và để cứu vãn tình hình ở VN, Nixon đã đưa ra một học thuyết mới mang tên mình “học thuyết Nixon” và chiến lược toàn cầu “răn đe thực tế” để thay thế cho học thuyết trước đó của Lyndon Johnson. Và chiến lược VN hóa là một điểm then chốt trong chiến lược này. Đây được coi là giải pháp để chấm dứt sự có mặt của Mỹ trong chiến tranh VN sau cả quá trình leo thang trước đó.

Thực chất của chiến lược VN hóa chiến tranh là việc Mỹ hỗ trợ tăng cường sức mạnh quân đội của chính quyền Sài Gòn để giảm sức ép và thay thế dần cho quân ngoại quốc. Đồng thời tiến hành phối hợp giữa quân sự - bình định – ngoại giao để vừa tiêu diệt vừa cô lập VN trên trường quốc tế. Còn theo quan điểm của VNDCCH và Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam VN coi chiến lược VN hóa chiến tranh thực chất là việc “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt”. Mỹ đã sử dụng biện pháp này để khai thác triệt để nhân lực, vật lực của chính quyền Sài Gòn cho cuộc chiến tranh xâm lược VN.

VN hóa chiến tranh không phải là Mỹ thừa nhận thất bại và rút lui mà Mỹ đang cố gắng tìm mọi cách để kết thúc chiến tranh trong thế mạnh. Mỹ vẫn thực hiện mục tiêu ban đầu của mình đó là ngăn chặn làn sóng cộng sản đang lan tràn ở Châu Á nhưng với việc rút hết quân viễn chinh của Mỹ ra khỏi chiến trường VN và giảm thiểu tối đa chi phí chiến tranh và cũng để Nixon thực hiện lời hứa với nhân dân Mỹ khi tranh cử Tổng thống “*sẽ chấm dứt*

chiến tranh VN trong sáu tháng ngay sau khi lên cầm quyền” để ổn định tình hình nội bộ kinh tế - xã hội – chính trị nước Mĩ.

Sau khi đã đề ra được chiến lược và kế hoạch cụ thể, Mĩ đã bắt đầu cho triển khai chiến lược này. Tháng 2 năm 1970, Nixon đã cho tuyên bố nội dung của chiến lược gồm ba giai đoạn: giai đoạn 1: chuyển giao nhiệm vụ chiến đấu trên bộ cho quân đội Sài Gòn, rút dần quân chiến đấu trên bộ của Mĩ ra khỏi VN. Giai đoạn 2: chuyển giao nhiệm vụ trên không cho quân lực VNCH, trang bị cho quân lực VNCH đủ sức đương đầu với quân Giải phóng. Giai đoạn 3: hoàn tất những mục tiêu của VN hóa chiến tranh; củng cố kết quả đã đạt được; quân Giải phóng sẽ suy yếu, không thể tiếp tục chiến đấu, chiến tranh kết thúc và 2 miền VN sẽ trở thành 2 quốc gia riêng biệt.

Trong ba giai đoạn này, giai đoạn 1 (1969 – 1972) là giai đoạn quan trọng nhất, được tiến hành theo 3 bước. Bước 1: từ năm 1969 đến giữa năm 1970, tiến hành bình định ở một số vùng quan trọng nhằm xóa bỏ những căn cứ cách mạng của quân Giải phóng, rút một số đơn vị chiến đấu của Mĩ ra khỏi chiến trường VN, khống chế và đẩy lùi quân giải phóng. Bước 2: từ giữa năm 1970 đến giữa năm 1971, bình định được tất cả những vùng đông dân quan trọng, làm cho quân Giải phóng bị phân tán nhỏ, hoàn thành kế hoạch hiện đại hóa quân đội VNCH, rút phần lớn quân Mĩ về nước. Bước 3: từ giữa năm 1971 đến giữa năm 1972, cơ bản bình định xong cả miền Nam, quân Giải phóng bị đẩy lùi khỏi các địa bàn ở miền Nam, Lào, Campuchia, quân lực VNCH đủ sức để đương đầu với quân của Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam VN, rút hết lực lượng chiến đấu của Mĩ về nước, chỉ duy trì cố vấn quân sự và sĩ quan chỉ huy tác chiến.

Để thực hiện chiến lược này, Mĩ đã đề ra những biện pháp cụ thể nhằm xây dựng quân đội VNCH thành một lực lượng mạnh, hiện đại, đủ sức đương đầu với quân chủ lực Chính quyền cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam VN, tăng cường viện trợ kinh tế; tập trung sức hoàn thành chương trình bình định, phản kích ra ngoài lãnh thổ miền Nam VN(Lào, Campuchia); tập hợp liên minh chống cộng khu vực do quân đội và chính quyền Sài Gòn làm nòng cốt; chặn đứng các nguồn tiếp tế chỉ viện cho quân Giải phóng miền Nam, xúc tiến hoạt động ngoại giao để kiềm chế, cô lập, đẩy lùi cuộc đấu tranh của nhân dân VN. *“Số quân VNCH từ 850.000 khi Nixon lên nhậm chức được*

tăng lên hơn 1.000.000 người và Mỹ bàn giao cho Nam VN một khối lượng lớn vũ khí tân tiến nhất: hơn 1 triệu súng trường M-16, 12.000 súng máy M-60, 40.000 súng phóng lựu M-79 và 2.000 khẩu cối và lựu pháo hạng nặng. Nam VN còn được cung cấp tàu biển, máy bay, trực thăng và nhiều xe ô tô,...” [10-tr.269].

Đối diện với các chính sách, kế hoạch và chiến lược của Mĩ, VNDCCH và Chính quyền cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam VN cũng đề đưa ra những biện pháp, kế hoạch để chiến đấu với kế hoạch, chiến lược của Mĩ. Bộ Chính trị cũng nhận định: *“Lợi dụng lúc ta có khó khăn địch tập trung lực lượng phản kích quyết liệt trên nhiều hướng làm cho lực lượng vũ trang, chính trị của ta bị tiêu hao, vùng giải phóng bị thu hẹp. Tuy vậy, địch không mạnh mà là hành động điên cuồng trong thế thua, vì thất bại, suy yếu buộc phải xuống thang chiến tranh, nhưng lại muốn xuống thang trong thế mạnh, thế chủ động là một mâu thuẫn vốn có trong chiến lược “VN hóa chiến tranh” của Mĩ”* [21-tr.240].

Ngày 10 tháng 6 năm 1969, Tổng thống Mĩ Nixon tuyên bố cho rút 25000 quân Mĩ ra khỏi VN, thì cũng trong ngày 20 – 6 – 1969, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam VN được thành lập.

Một trong những trọng điểm mà Mĩ nhắm vào là khu vực Đường 9 - Nam Lào. Vì vậy, Mĩ sử dụng một lực lượng lớn mở cuộc hành quân lớn mang tên chiến dịch Lam Sơn 719 đánh vào khu vực này, huy động 30 ngàn quân VNCH được yểm trợ hỏa lực bởi hàng trăm trực thăng, phi cơ và hơn 10 ngàn quân Mĩ. Cùng với cuộc hành quân Lam Sơn 719, Mĩ còn mở cuộc hành quân “Toàn thắng 1-1971” đánh sang vùng đông bắc Campuchia và cuộc hành quân “Quang Trung 4” đánh ra Vùng 3 biên giới tại tỉnh Kon Tum. Cùng một lúc mở 3 cuộc hành quân tại 3 địa điểm trên tuyến hành lang chiến lược Bắc - Nam, mục tiêu của Mĩ là phân tán lực lượng chủ lực quân Giải phóng để tập trung đánh sang Nam Lào; đồng thời thực hiện chia cắt “kép” tuyến hành lang chiến lược ở điểm Sê Pôn, A-tô-pơ, Mỏ Vẹt - Lưỡi Câu, trọng điểm là Sê Pôn.

Tuy nhiên, kế hoạch này của Mĩ đã được Đảng Cộng sản VN đoán được. Nhờ chủ động chuẩn bị trước một bước về lực lượng và vật chất nên ngay sau khi cuộc hành quân mở màn (30-1-1971), Bộ Chính trị Đảng Lao

động đã chỉ thị cho Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng: *“Nhất thiết phải đánh thắng trận này vì đây là một trong những trận có ý nghĩa chiến lược, thắng trận này, không những ta giữ được tuyến vận tải chiến lược, tiêu diệt được một bộ phận quan trọng quân chủ lực địch, làm thất bại cố gắng cao nhất trong quá trình thực hiện “VN hóa chiến tranh”, tạo chuyển biến căn bản có tính chiến lược cho phong trào cách mạng ba nước Đông Dương”*[21-tr.252]

Kết quả, quân lực VNCH bị tổn thất và thiệt hại nặng nề, 118 trực thăng bị bắn rơi và hơn 550 chiếc bị bắn hỏng, 1.138 xe quân sự (có 528 xe tăng và xe bọc thép), 112 khẩu pháo và súng cối cỡ lớn bị mất. Việc các đơn vị tinh nhuệ nhất của quân đội VNCH thất bại nhanh chóng ở Nam Lào đã báo hiệu sự thất bại trong nỗ lực hiện đại hóa quân đội này để thay thế cho quân viễn chinh Mỹ. Cùng với đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719 ở Lào, trên hướng Campuchia, cuộc hành quân “Toàn thắng 1-1971” cũng bị đánh bại.

Như vậy, trên cả ba hướng mở các cuộc hành quân lớn là đông bắc Campuchia, Đường 9 - Nam Lào và Vùng 3 biên giới đều bị đánh bại. Kế hoạch cắt Đường mòn Hồ Chí Minh, yếu tố then chốt trong chiến lược VN hóa đã thất bại.

Từ cuối năm 1971, quân VNCH đã bị đẩy về thế phòng ngự bị động, quân Giải phóng chuyển sang thế chủ động tấn công. Một loạt chiến dịch thất bại cho thấy quân VNCH dù được tăng cường trang bị hiện đại nhưng vẫn không đương đầu được với chủ lực quân Giải phóng, lực lượng trụ cột thực hiện chiến lược VN hóa đã không thực hiện được nhiệm vụ đề ra.

Sau thất bại nặng nề trên chiến trường miền Nam, Mỹ và chính quyền Sài Gòn điên cuồng mở rộng chiến tranh ra toàn cõi Đông Dương bằng các cuộc “hành binh” quy mô lớn, tập trung đánh phá vùng đồng bằng đông dân ở miền Trung, Nam Bộ và một số khu vực vùng sâu, vùng xa, miền núi, nhằm đẩy lùi lực lượng chủ lực của ta ra xa các trung tâm đầu não, các địa bàn chiến lược của chúng, giành lại quyền chủ động trên chiến trường. Ngoài ra, còn huy động lực lượng lớn không quân, lực lượng đánh phá ác liệt Đường mòn Hồ Chí Minh, hòng chặn đứng nguồn chi viện của hậu phương lớn miền Bắc XHCN cho tiền tuyến lớn miền Nam...

Trước tình hình đó, tháng 8 – 1971, Bộ Chính trị ra Nghị quyết mở Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 trên các hướng: Đông Nam Bộ (hướng chủ yếu), Tây Nguyên, Trị - Thiên (hướng phối hợp quan trọng), trong thế tiến công rộng khắp trên toàn chiến trường miền Nam, nhằm tiêu diệt lớn quân địch, mở rộng vùng giải phóng, giữ vững quyền chủ động chiến lược.

Chớp thời cơ đó, Thường vụ Quân uỷ Trung ương quyết định chuyển hướng tiến công phối hợp Trị - Thiên thành hướng tiến công chủ yếu, thay hướng miền Đông Nam Bộ. Đồng thời, mở 3 chiến dịch tiến công quy mô lớn: Chiến dịch Trị - Thiên trên hướng chủ yếu, Chiến dịch Bắc Tây Nguyên và Chiến dịch Bắc Bình Định trên hướng phối hợp quan trọng. Ngày 30-3-1972, với sức mạnh vượt trội, lại đảm bảo được yếu tố bí mật, bất ngờ, trận “Bão táp 1” - mở màn chiến dịch - với hơn 250 khẩu pháo bắn phá mãnh liệt, dồn dập vào các căn cứ chủ yếu, các trận địa pháo của địch trên toàn tuyến tiến công, đã nhanh chóng đè bẹp tinh thần chiến đấu, sức mạnh của vũ khí địch, tạo điều kiện thuận lợi cho bộ binh, cùng với xe tăng ta đột phá nhanh, đập tan toàn bộ công sự, vật cản ở các căn cứ, các khu vực phòng ngự của địch. Theo đó, cả 3 chiến dịch trong Cuộc tiến công chiến lược đã phối hợp nhịp nhàng, làm chủ hoàn toàn, buộc địch phải hành động theo ý định của ta; trong đó, Chiến dịch Trị - Thiên do ta tập trung lực lượng mạnh, tổ chức đánh hiệp đồng quân binh chủng, quy mô lớn, thu hút địch nên đã tiêu diệt khối lượng lớn binh lực, hỏa lực của địch.

Bên cạnh thực hiện cuộc đấu tranh quân sự với Mỹ, Đảng Cộng sản VN còn chủ trương “đẩy mạnh tiến công và nổi dậy, đập tan kế hoạch bình định của địch”. Trên toàn miền Nam, năm 1970, VNCH kiểm soát được 7.200 ấp và khu đồn, thì đến năm 1971 chỉ còn kiểm soát được 4.860 ấp, khu đồn. Chương trình bình định thụt lùi một bước nghiêm trọng. Thompson, chuyên gia về bình định trong một báo cáo mật gửi cho Nixon thừa nhận:

Về chiến lược “VN hoá chiến tranh”, Bộ Quốc phòng Mỹ nhận xét: *“Mục tiêu của Mỹ nhằm tăng cường các lực lượng quân sự VNCH và khả năng đẩy lùi kẻ địch thông qua chương trình VN hoá, cuối cùng đã bị thất bại, vì quân đội VNCH ngày càng phụ thuộc vào viện trợ quân sự và giúp đỡ kỹ thuật của Mỹ”; “Những cố gắng ban đầu của chính phủ VNCH nhằm định*

ra chương trình bình định và phát triển nông thôn đã thất bại, vì đó là những chương trình đầu đuôi lẫn lộn được vạch ra một cách vụng về”. [10-tr.263].

Như vậy chiến lược “VN hóa chiến tranh” của Mỹ với những dự định, kế hoạch cho việc Mỹ rút quân ra khỏi VN trong thể chủ động và biến miền Nam VN thành thuộc địa kiểu mới nhằm ngăn chặn làn sóng cộng sản đã thất bại hoàn toàn. Với những chiến thắng của Đảng Cộng sản VN trên mặt trận quân sự cũng như mặt trận bình định đã đập tan chiến lược, âm mưu của Mỹ. Đặc biệt, sau thất bại của Mỹ trong cuộc Tổng tiến công chiến lược năm 1972 của Đảng ta đã buộc Mỹ phải tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược, tức thừa nhận sự thất bại của chiến lược “VN hóa chiến tranh”.

Sự kiện này đã tác động rất lớn đến chiến cục, tình hình thế giới. Không chỉ có làm thất bại âm mưu của Mỹ mà còn tác động rất lớn đến chiến lược “Đông Nam Á” của TQ. Với những chiến lược riêng của mình TQ luôn muốn con bài VN phải phụ thuộc vào mình, nhưng sự thắng lợi trên mặt trận quân sự đã ngày càng khẳng định vị thế của VNDCCH. Không những không phụ thuộc vào TQ mà còn có đường lối, lập trường độc lập. Các chiến thắng trên mặt trận quân sự đã làm xoay chuyển hoàn toàn thế cục lúc bấy giờ. Cả Mỹ và TQ đều không nhận được lợi ích gì để thực hiện chiến lược của mình, lúc này thế cục chiến trường do VNDCCH nắm quyền chủ động và khó có thể bị xoay dịch bởi bất cứ nước nào.

2.2.2. Đàm phán ngoại giao

Bước vào giai đoạn 1969 – 1972, tình hình thế giới có nhiều biến động và thay đổi. Đặc biệt là mqh giữa các nước lớn trong cuộc chiến tranh lạnh, sự đối đầu giữa hai cực Liên Xô – Mỹ và sự vươn lên mạnh mẽ của TQ. Những mâu thuẫn trong nội bộ các nước xã hội chủ nghĩa và cuộc chiến tranh ở VN đã tạo điều kiện cho những mqh mới bắt đầu.

VN lúc này đang xoay quanh mqh giữa ba cường quốc Mỹ – Liên Xô – TQ với vị trí và vai trò khác nhau đối với mỗi nước. Đối với Mỹ, VN có vị trí chiến lược hàng đầu trong chiến lược toàn cầu của Mỹ, và đối với VN thì Mỹ chính là kẻ thù trực tiếp cần phải chiến đấu, đánh đuổi ngay lúc này. Đối với TQ, VN chính là bàn đạp để TQ vươn lên, thể hiện vị thế của mình trong phe

xã hội chủ nghĩa cũng như nâng tầm vị thế của TQ trên trường quốc tế; TQ thông qua việc viện trợ cho VN để can thiệp vào nền chính trị VN và để giữ VN bên mình; còn đối với VN thì TQ là một nước đồng minh và viện trợ chính cho VN trong cuộc kháng chiến chống Mĩ. Chính những mqh này đã tạo nên một thế cục rối ren cho nền ngoại giao lúc này.

Trong lúc này, mqh giữa Liên Xô – TQ rạn nứt đã tác động rất lớn đến tình hình VN. Cả hai đều muốn khẳng định vị thế anh cả của mình trước những nước XHCN khác. Và chiến tranh VN lúc này chính là cơ hội để họ tỏ rõ vị thế của mình. Cả hai đều muốn viện trợ cho VN để mở rộng sức ảnh hưởng. *“Cả hai cường quốc cộng sản này đều coi VN như một màn phụ không được phép gây nguy hiểm cho trật tự của các thế lực vốn đã được định hình trên thế giới”*. [10-tr.290].

Vấn đề VN lúc này đều nằm trong tầm chiến lược của cả TQ và Liên Xô. Hai cường quốc này đang cân nhắc đến việc coi VN như một quân cờ trên bàn cờ đối ngoại của mình. Cả hai đều muốn dùng vấn đề VN như một điều kiện thuận lợi để trao đổi những chiến lược quốc gia đối với Mĩ. Tất nhiên về phía Mĩ cũng đã nhìn nhận được vấn đề này. Mĩ đã lợi dụng điều này để tiến hành một cuộc “ngoại giao bóng bàn” đối với TQ và Liên Xô. Mĩ lợi dụng mâu thuẫn Xô – Trung để chia rẽ hai nước này, đồng thời tiến hành bắt tay về cả hai phía TQ và Liên Xô. Chính điều này đã dẫn đến một tam giác chiến lược cân trong cuộc chiến tranh VN trở thành tam giác không cân, với sự mất cân bằng từ việc TQ tách xa Liên Xô và tiến đến lại gần Mĩ. Mĩ đã lợi dụng mâu thuẫn đó với mục đích hơn cả là cắt nguồn viện trợ của hai nước này đến VN, làm cho cuộc chiến tranh VN ngày càng trở nên khó khăn và cuối cùng đi đến thất bại. Một viễn cảnh mà Mĩ luôn luôn nghĩ đến nó nhưng kết quả cuối cùng lại cho thấy ngay từ nó là một viễn cảnh do Mĩ tưởng tượng và mãi vẫn chỉ là viễn cảnh.

Trước tình hình căng thẳng trong mqh Xô – Trung, VNDCCH cũng đưa ra những chính sách linh hoạt. Ngay từ đầu khi cuộc chiến đấu diễn ra, Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định Liên Xô, TQ là chỗ dựa vững chắc cho công cuộc xây dựng và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Do vậy, Đảng và Nhà nước VN đề ra một trong

những nhiệm vụ quan trọng là tranh thủ tối đa sự ủng hộ của Liên Xô và TQ trên mọi phương diện vật chất, tinh thần, chính trị... cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Nên khi mâu thuẫn xảy ra, một đường lối đối ngoại phù hợp, tinh tế và khéo léo đã được thực hiện. Đường lối đó vừa thể hiện sự đoàn kết trong phe XHCN trên tinh thần quốc tế vô sản, có lý, có tình, góp phần tích cực hàn gắn những bất đồng, rạn nứt đang gia tăng trong quan hệ Xô - Trung, làm thất bại mưu đồ lợi dụng của Mỹ; vừa đảm bảo được quan hệ cân bằng giữa VN- Liên Xô và VN- TQ, tránh liên minh chặt chẽ với bên này hay bên kia; vừa giữ vững được đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ. Đây vừa là một đòi hỏi khách quan, vừa là một vấn đề hết sức phức tạp, bởi vào thời điểm đó các quan hệ quốc tế chông chéo, đan xen nhau trong một tổng thể quan hệ của các siêu cường mạnh nhất thế giới không dễ gì phân định tách bạch.

Đối với Mỹ lúc này đang *“thất vọng vì không phá được thế bế tắc ngoại giao bằng các biện pháp quân sự, mùa thu năm 1972 các bên đều cảm thấy có nhiều lý do thúc ép phải phá vỡ thế bế tắc quân sự bằng con đường ngoại giao. Chắc chắn chính quyền Nixon không liều đi đến giải pháp trước khi bầu cử. Đảng Dân chủ đã đề cử George McGovern, một nhân vật chủ hoà hay nói thẳng nhưng quan điểm cực đoan. Nixon và Kissinger cũng đã nhận ra nếu tiếp tục cuộc chiến trên không vô thời hạn sẽ gây dư luận trong nước. Họ ngày càng thất vọng khi thấy vẫn dai dẳng kéo dài một cuộc chiến tranh mà họ coi là ngăn cản kế hoạch vĩ đại về một “thế hệ hoà bình”. Họ muốn giữ lời hứa trước đây là kết thúc chiến tranh và mong đạt được một giải pháp trước bầu cử nếu như có thể mà không phải mất mặt...”* [10-tr.291].

Ngay sau chuyến ghé thăm của Tổng thống Nixon đến TQ, thì Chu Ân Lai đã bay đến Hà Nội và bày tỏ quan điểm về tình hữu nghị, đồng chí giữa VN và TQ. Nhưng trên thực tế, các bên đều có những suy nghĩ của riêng mình. VN lúc này đang tiến hành thực hiện một chính sách ngoại giao vừa độc lập vừa tranh thủ kêu gọi sự ủng hộ của quốc tế. Vẫn giữ vững mqh đồng chí với các nước xã hội chủ nghĩa và tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của họ đối với cuộc đấu tranh cách mạng.

Riêng với Mỹ, dù giành được nhiều kết quả trên mặt trận ngoại giao, nhưng hiệu quả thu được không như mong đợi. Cả Liên Xô và TQ đều không

có ảnh hưởng nhiều tới VNDCCH và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam VN như Mỹ nghĩ. Cho dù có bị các đồng minh cắt viện trợ hay gây sức ép, VNDCCH và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam VN vẫn quyết tâm tiếp tục chiến tranh cho tới thắng lợi cuối cùng. Một nhà ngoại giao Mỹ ở Pari về sau kể lại: *“Những cuộc thương lượng khó khăn nhất của chúng tôi là với Oa-sinh-ton chứ không phải với Hà Nội”*. [9-tr.249].

Sau những thất bại liên tiếp trên mặt trận quân sự, đặc biệt là sau thất bại của cuộc Tổng tiến công chiến lược năm 1972 và trận Điện Biên Phủ trên không đã buộc Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán với VNDCCH và Chính quyền cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam VN. Nếu thất bại của Mỹ trong cuộc Tổng tiến công chiến lược năm 1972 đã buộc Mỹ phải tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại chiến tranh, chính thức thừa nhận sự thất bại của chiến lược chiến tranh đặc biệt thì sau thất bại trong trận “Điện Biên Phủ trên không” đã buộc Mỹ phải dừng mọi hoạt động bắn phá miền Bắc và kí kết Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở VN.

Ngay từ khi còn đang leo thang trong cuộc chiến tranh ở VN, Mỹ đã có những mưu đồ cho một giải pháp có lợi nhất cho Mỹ. Giải pháp mà Mỹ cho rằng đó là một giải pháp hòa bình ở VN nhằm giữ nguyên hiện trạng chính trị của VN lúc bấy giờ. *“Thông qua các nhân vật trung gian Pháp, tổng thống Nixon chuyển tín hiệu riêng đến Bắc VN bày tỏ ý nguyện hoà bình chân thành và đề nghị hai bên, cả quân Mỹ và quân Bắc VN, cùng rút khỏi miền Nam VN và phục hồi khu phi quân sự theo đường biên giới giữa Bắc và Nam VN. Kissinger thông báo cho đại sứ Liên Xô, ngài Anatoly Dobrynin biết chính quyền Mỹ tha thiết muốn thương lượng với Liên Xô về nhiều vấn đề khẩn cấp, nhưng lại thẳng thừng báo trước rằng đầu tiên là phải đi đến một giải pháp hoà bình ở VN.”* [10-tr.269]. Tất cả những “thiện chí hòa bình” của Mỹ đều nhằm mục đích rút quân Mỹ ra khỏi VN trong thế chủ động và ngồi vào bàn đàm phán một cách chủ động. Mỹ muốn mọi vấn đề về cuộc đàm phán ngoại giao do Mỹ quyết định. Nhằm thực hiện chiến lược toàn cầu của Mỹ, giữa nguyên hiện trạng chính trị của VN, ngăn chặn làn sóng Cộng sản ở khu vực Đông Nam Á và giảm sức mạnh, vị thế của phe XHCN để dần bước tới mưu đồ bá chủ thế giới. Vì vậy mà khi tình hình có điều kiện nghiêng về phía VNDCCH, Mỹ đã tìm mọi cách để trì hoãn hội nghị.

Một nhân tố không thể thiếu trong việc giải quyết các vấn đề ở khu vực Đông Nam Á đó là TQ. Đặc biệt, đây là vấn đề VN lại càng là lí do chính đáng để TQ tham dự hội nghị Pari. Cũng giống như tâm thế khi đến với hội nghị Giơ – ne – vơ, TQ với danh nghĩa là nước Viện trợ cho VNDCCH để tiến vào bàn đàm phán. Tuy nhiên ngay từ ban đầu của ý định của TQ đã không đạt được. Một hiệp định Giơ – ne – vơ đã là một bài học lớn trong việc tiến hành ngoại giao của VNDCCH. Mục đích của TQ lúc này là vẫn muốn giữ nguyên hiện trạng chính trị ở VN, muốn VNDCCH phải lệ thuộc vào mình, và dùng vấn đề VN để trao đổi với Mỹ về vấn đề Đài Loan. “ *Vấn đề Đông Dương là quan trọng nhất trong cuộc gặp gỡ giữa chúng tôi và Kítxinhgiơ. Kítxinhgiơ nói rằng Mỹ gắn việc giải quyết vấn đề Đông Dương với việc giải quyết vấn đề Đài Loan. Mỹ nói có rút được quân Mỹ ở Đông Dương thì mới rút quân Mỹ ở Đài Loan. Đối với TQ, vấn đề rút quân Mỹ khỏi miền nam VN là vấn đề số 1. Còn vấn đề TQ vào Liên hợp quốc là vấn đề số 2*” [22-tr.1]. Vì vậy mà TQ muốn can thiệp vào hội nghị cũng như việc kí kết hiệp định giữa các bên. “*Trong cuộc đàm phán với phía VN tháng 4 năm 1968, phía TQ thừa nhận rằng Tuyên bố ngày 27 tháng 1 năm 1967 của Chính phủ nước VNDCCH về việc đàm phán với Mỹ đã gây ảnh hưởng tốt: Ngay đồng minh của Mỹ, của cả Đờ Gôn cũng đòi chấm dứt chiến tranh không điều kiện.*” Nhưng họ vẫn cho rằng: “*Lúc này VN chấp nhận đàm phán chưa phải là thời cơ và trên tư thế cao, ta đã nhân nhượng một cách vội vã.*” [22-tr.27].

Khi hội nghị Pari được diễn ra, phía TQ cũng tỏ rõ thái độ và ý đồ của mình, “*nhân dân VN cần giải quyết số phận cuộc đấu tranh của mình “không phải trên bàn hội nghị mà trên chiến trường”.*”[22-tr.27]. Và khi tình hình trên chiến trường ngày càng nghiêng về phía VN lại khiến cho phản ứng của Bắc Kinh ngày càng mãnh liệt. Các nhà lãnh đạo TQ cho rằng việc “*Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc VN là sự thỏa hiệp giữa VN với Mỹ, là một thất bại lớn, tổn thất lớn đối với nhân dân VN giống như cuộc đàm phán kí Hiệp định Giơ – ne – vơ năm 1954 là một sai lầm; họ đề nghị phía VN nên để cho Mỹ bắn phá trở lại khắp miền Bắc, làm như vậy là để Mỹ phân tán mục tiêu oanh tạc, đồng thời cũng chia sẻ bớt khó khăn cho miền Nam.*” [22-tr.28].

TQ đã tìm mọi cách để ngăn chặn một cuộc đàm phán giữa VN và Mĩ. Với mục đích duy nhất lúc này ở VN là biến VNDCCH phải lệ thuộc mình, từ đó biến VN trở thành bàn đạp để lan tỏa sự ảnh hưởng của CNCS TQ trong khu vực. Thậm chí, TQ lấy cả tình “đồng chí” giữa hai quốc gia để giải quyết vấn đề này: *“Lần này nếu các đồng chí chấp nhận bốn bên đàm phán tức là giúp cho Giônxon và Hămphorây đoạt được thắng lợi trong bầu cử, để cho nhân dân miền Nam VN vẫn dưới sự đô hộ của đế quốc Mĩ và bù nhìn, không được giải phóng, ...Như vậy giữa hai Đảng và hai nhà nước ta còn nói chuyện gì nữa”* [22-tr.28].

Có thể thấy rõ được âm mưu của TQ trong Hội nghị Pari. TQ đã tìm mọi cách nhằm hạn chế tối đa nền chính trị của VN. Tuy nhiên những diễn biến của Hội nghị Pari đã không theo những gì mà cả Mĩ và TQ đều mong đợi.

Ngay từ sau cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968, ngày 13 – 5 – 1968 cuộc đàm phán chính thức diễn ra tại Pari giữa hai bên là đại diện Chính phủ VNDCCH và đại diện Chính phủ Hoa Kỳ, và từ ngày 25 – 1 – 1969 giữa bốn bên là VNDCCH, Mặt trận dân tộc Giải phóng miền Nam VN(sau đó là Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam VN), Hoa Kỳ và VNCH (chính quyền Sài Gòn).

Lúc đầu, Mĩ không muốn ngồi vào bàn đàm phán một cách bị động. Dù cho những nhà cầm quyền Mĩ luôn muốn tiến hành một giải pháp hòa bình có lợi cho Mĩ và do Mĩ chủ động. Tuy nhiên, với những thắng lợi của VNDCCH đã buộc Mĩ dù muốn hay không cũng phải ngồi xuống. Chính vì thái độ nửa vời, né tránh của Mĩ, và những đòi hỏi vô lí không tương xứng với tương quan lực lượng mà Hội nghị Pari trong thời gian đầu đi đến bế tắc và kéo dài. *“Theo quan điểm của Bắc VN thì những đề nghị của tổng thống Nixon chẳng hơn gì đề nghị của Johnson và nếu chấp nhận chúng sẽ là từ bỏ những mục tiêu mà họ đã phấn đấu gần 1/4 thế kỷ. Đoàn đại biểu Bắc VN tham gia đàm phán hoà bình đã công khai miệt thị, gọi đề nghị của Mỹ là “một trò hề và nói nếu cần họ sẽ ngồi lại Paris cho đến khi gãy ghế mới thôi”* [10-tr.263].

Trong khi đó về phía VNDCCH “*manh mẽ tin rằng cuộc chiến tranh sẽ trải qua ba giai đoạn. Đánh; đánh và đàm; và cuối cùng thương lượng đi đến một hiệp định*”. [9-tr.247].

Việc thương lượng diễn ra rất phức tạp và bị gián đoạn. Lúc này Mĩ vẫn rất ngoan cố, và chưa chịu thừa nhận sự thất bại của mình, Sau nhiều lần thương lượng, địa điểm được chọn để tổ chức hội đàm chính là thành phố Paris. Và cuộc đàm phán đã kéo dài từ tháng 5 năm 1968 đến tháng 1 năm 1973. Trong quá trình diễn ra hội nghị đã dẫn nhiều lần đi vào con đường bế tắc, gián đoạn bởi sự thiếu hợp tác, thiếu thiện chí đàm phán của Mĩ, cũng như việc không thừa nhận lẫn nhau giữa các bên. Khi VNDCCH và Chính quyền Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam VN không thừa nhận VNCH thì Mĩ và VNCH cũng không chịu thừa nhận sự có mặt của Chính quyền Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam VN.

Từ năm 1968 – 1972, cuộc đàm phán hầu như bị bế tắc và gián đoạn. Ngày 31 – 3 – 1968, Tổng thống Mỹ Johnson tuyên bố đơn phương ngừng đánh phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra; không ra tranh cử Tổng thống Mỹ nhiệm kỳ 2 và cử người đàm phán với đại diện Chính phủ VNDCCH tại Paris. Ngày 3 – 4 – 1968, Chính phủ VNDCCH tuyên bố: Sẵn sàng cử đại diện của mình tiếp xúc với đại diện của Mĩ nhằm xác định với Mĩ việc Mĩ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh chống nước VNDCCH để có thể bắt đầu cuộc nói chuyện.

Ngày 13 – 5 – 1968, Hội nghị Paris giữa 2 bên khai mạc. Do lập trường cương quyết của Chính phủ VNDCCH, Mĩ buộc phải ngồi nói chuyện chính thức với Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam VN.

Ngày 18 tháng 1 năm 1969, phiên họp đầu tiên của Hội nghị Paris về VN khai mạc tại phòng họp của trung tâm Hội nghị quốc tế ở Paris. Ngày 25 – 1 – 1969, khai mạc phiên họp toàn thể lần thứ nhất của Hội nghị bốn bên về VN ở Paris.

Ngày 08 tháng 5 năm 1969, phái đoàn Cộng hòa miền Nam VN tạo ra đột phá khi đưa ra “giải pháp hòa bình 10 điểm” trong đó nêu rõ Mĩ phải rút quân, thành lập chính phủ liên hiệp tại miền Nam.

Đến giữa năm 1972, khi tình thế trên chiến trường ngày càng có lợi cho VNDCCH và Chính quyền Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam VN thì cuộc đàm phán mới thực hắt đi vào thỏa hiệp. Lập trường ban đầu của Hoa Kỳ: quân đội Hoa Kỳ cùng các đồng minh nước ngoài rút khỏi VN phải đồng thời với việc Quân đội Nhân dân VN rút khỏi Nam VN. Chính quyền VNCH của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu có quyền tồn tại trong giải pháp hoà bình. Không có Tổng tuyển cử thống nhất VN. Lập trường ban đầu của VNDCCH: các lực lượng quân đội Hoa Kỳ phải rút khỏi VN. Thành lập Chính phủ liên hiệp lâm thời gồm 3 lực lượng chính trị: Chính quyền Sài Gòn, Chính phủ Cách mạng Cộng hòa miền Nam VN và lực lượng trung lập để tiến hành Tổng tuyển cử thống nhất với miền Bắc.

Ngày 25 – 1 – 1972, Tổng thống Mỹ Nixon đơn phương công bố nội dung các cuộc gặp riêng về đề nghị Tám điểm đưa ra ngày 16 tháng 8 năm 1971. Ngày 31 – 1 – 1972, tại Paris, đoàn VNDCCH công bố giải pháp Chín điểm, đồng thời vạch rõ việc Nhà trắng đã vi phạm thoả thuận hai bên không công bố nội dung các cuộc gặp riêng theo đề nghị của chính Kissinger.

Ngày 24 – 3 – 1972, Tổng thống Nixon tuyên bố hoãn vô thời hạn các phiên họp công khai Hội nghị Paris về VN. Tiếp đó, ngày 8 tháng 5 năm 1972, chưa đầy một tuần sau phiên gặp riêng giữa Lê Đức Thọ, Xuân Thủy và Kissinger, Nixon tuyên bố tiến hành một bước leo thang mới mở rộng quy mô đánh phá miền Bắc kể cả bằng lực lượng không quân chiến lược, thả mìn cảng Hải Phòng cùng các cửa sông, lạch, trên vùng biển phong toả miền Bắc VN.

Ngày 13 – 7 – 1972, Mỹ chấp nhận họp lại Hội nghị toàn thể bốn bên tại Paris. Ngày 12 tháng 10, Kissinger và Lê Đức Thọ đi đến một bản nháp hiệp định gồm 9 điểm. Nội dung đó chưa đầy đủ nhưng nó đã tạo được một bước đột phá lớn. Dự thảo đã tách các vấn đề thuần túy quân sự khỏi các vấn đề chính trị. Nó cho phép một cuộc ngừng bắn tại chỗ, sự rút quân đội Mỹ và đồng minh nước ngoài về nước, sự trao trả tù binh Mỹ trong vòng 60 ngày, và thiết lập một quy trình mơ hồ mà qua đó người VN sau đó sẽ tự quyết định tương lai của mình. Ngày 13 – 16 tháng 10, Tổng thống Richard Nixon sau khi nghiên cứu đã chấp thuận nội dung dự thảo.

Ngày 4 – 13 tháng 12, đàm phán tiếp tục tại Paris suôn sẻ cho đến khi phía Mỹ một lần nữa lật lại vấn đề cốt lõi: quy chế của lực lượng VNDCCH, và nêu vấn đề khu phi quân sự. Phía VNDCCH phản ứng bùng nổ bằng cách thu hồi các nhượng bộ từ các buổi họp trước đó và đưa ra đòi hỏi mới, trong đó có việc lật lại vấn đề cơ bản về trao trả tù binh Mỹ. Tháng 10, phía VNDCCH đã đồng ý trao trả tù binh Mỹ vô điều kiện trong vòng 60 ngày. Nay họ muốn gắn việc trao trả tù binh với việc thả hàng ngàn tù chính trị tại Nam VN - một vấn đề mà họ đã từng đồng ý dành nó cho các thương thảo cụ thể sau này giữa các bên VN.

Ngày 14 – 12 , Nixon gửi một tối hậu thư cho Hà Nội: trong 72 giờ đồng hồ để quay lại ký theo phương án Hoa Kỳ đề nghị, nếu không sẽ ném bom lại Bắc VN.

Ngày 18 tháng 12, Hoa Kỳ bắt đầu cho máy bay B-52 ném bom rải xuống Hà Nội, Hải Phòng và các mục tiêu khác. Ngày 13/1/1973, hoàn thành hiệp định trong cuộc gặp riêng lần cuối cùng.

Nội dung hiệp định được chia thành chín chương, nói về các chủ đề về cơ bản giống như trong bản dự thảo 9 điểm mà Hoa Kỳ và VNDCCH đã thống nhất với nhau vào tháng 10 năm 1972 với xương sống là tuyên bố 10 điểm của Mặt trận Giải phóng miền Nam VN trước đó. Gồm những nội dung cơ bản sau:

1. *“Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của VN.*
2. *Hai bên ngừng bắn ở miền Nam vào lúc 24 giờ ngày 27 – 1 – 1973 và Hoa Kỳ cam kết chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống miền Bắc VN.*
3. *Hoa Kỳ rút hết quân đội của mình và quân các nước đồng minh, hủy bỏ các căn cứ quân sự, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam VN.*
4. *Nhân dân miền Nam VN tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp của nước ngoài.*
5. *Các bên thừa nhận thực tế miền Nam VN có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị (lực lượng cách mạng, lực lượng hòa bình trung lập và lực lượng chính quyền Sài Gòn).*

6. Hai bên trao trả tù binh và dân thường bị bắt.
7. Hoa Kỳ cam kết góp phần vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở VN và Đông Dương, thiết lập quan hệ bình thường cùng có lợi với VN”[11-tr.248]

Như vậy với bản Hiệp định Pari một lần nữa đã làm phá sản hoàn toàn chiến lược của Mĩ. Với việc kí kết hiệp định Pari đã đem đến những kết quả khác nhau cho từng nước. Không giống như dự định, mục tiêu của Mĩ khi đến với Hội nghị với những điều khoản có lợi cho Mĩ và giúp Mĩ rút quân trong danh dự. Mĩ đã hoàn toàn bị động trong hội nghị này. Mĩ không những không đạt được mục tiêu mà còn phải ra về với tuyên bố thất bại hoàn toàn. Về phía TQ, tuy không trực tiếp can dự vào bản Hiệp định Pari nhưng với những mục đích ban đầu của mình, TQ cũng đã không thực hiện được. Theo ý muốn của TQ, một Triều Tiên thứ hai ở VN đã không thành hiện thực. Còn đối với VN, mặc dù đất nước vẫn bị chia cắt nhưng đối với Hiệp định Pari đã mang lại một thắng lợi vẻ vang cho đất nước. Buộc Mĩ phải rút quân vô điều kiện về nước, chuẩn bị tiến hành cuộc Tổng tuyển cử thống nhất đất nước đã bị đình trệ từ Hiệp định Giơ – ne – vơ năm 1954. Chính trị VN lúc này không có sự can thiệp của nước ngoài và đồng thời tạo điều kiện để đánh tan chính quyền Sài Gòn, thống nhất đất nước. Đồng thời, làm cho phân tích chính trị của các nước một lần nữa có sự thay đổi. Những tính toán ban đầu của các nước thông qua cuộc chiến tranh ở VN đều không thực hiện được.

Tiểu kết chương 2

Với những tính toán riêng của mình, các nước đều có những chiến lược để thực hiện nó. Một sự kiện được coi là có sự tác động rất lớn đối với tình hình thế giới lúc bấy giờ khi mà Mĩ – TQ chuyển từ kẻ thù thành những người đồng minh đã làm cho tình hình có rất nhiều biến động. Mqh giữa hai nước sau nhiều năm đã xích lại gần nhau hơn, làm cho tam giác chiến lược trong cuộc chiến tranh ở VN chuyển từ cân sang không cân. Những tính toán của các nước trong vấn đề VN đã bị vô hiệu hóa bởi những thắng lợi trên cả mặt trận quân sự và ngoại giao của VNDCCH. Với những thắng lợi quân sự đã buộc Mĩ phải tuyên bố về sự thất bại trong chiến lược của mình, đã buộc Mĩ phải ngồi vào bàn đàm phán và kí kết hiệp định. Với mong muốn

được can thiệp vào nền chính trị VN, TQ cũng đã không đạt được theo ý muốn của mình.

KẾT LUẬN

Kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, thế giới tồn tại hai cực: XHCN do Liên Xô đứng đầu và TBCN do Mỹ đứng đầu. Đặc biệt là cuộc chiến tranh lạnh kéo dài càng làm cho tình hình hai phe ngày càng căng thẳng. Mỹ luôn luôn có tham vọng bành chướng và âm mưu bá chủ thế giới. Còn phía bên này, sự ra đời và vươn lên một cách nhanh chóng và mạnh mẽ của TQ đã là cho cả Liên Xô và Mỹ đều lo ngại.

Sự xuất hiện của TQ trong phe XHCN đã làm cho cả Mỹ và Liên Xô phải thay đổi những chiến lược của mình. Liên Xô muốn giữ vững vị thế đứng đầu của mình trong phe XHCN. Còn với Mỹ, sự ra đời của CHNDTH đã ảnh hưởng trực tiếp đến chiến lược và tham vọng của Mỹ. Mỹ phải tìm mọi cách để ngăn chặn sự lan rộng và ảnh hưởng của CNXH ở châu Á. TQ cũng có những chiến lược và tham vọng riêng của mình, muốn thay thế Liên Xô giữ vị trí đứng đầu trong phe XHCN, muốn nâng tầm vị thế của mình trên trường quốc tế.

Trước những chiến lược của các cường quốc thì cuộc chiến tranh VN là tâm điểm cho tất cả những ý đồ đó. Ai có được VN thì người đó sẽ giành chiến thắng. Vì vậy mà cuộc chiến tranh ở VN trở thành trung tâm, điểm nóng của các nước.

Với tư cách là những nước đồng minh và viện trợ chính cho VN, TQ muốn can thiệp nền chính trị ở VN. Đối với Mỹ cũng vậy, muốn biến VN trở thành Triều Tiên thứ hai, và dùng miền Nam VN để ngăn chặn làn sóng cộng sản đang lan tỏa, ảnh hưởng ở khu vực này. Chính những toan tính này mà giai đoạn 1969 – 1972 khi cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ đang ngày càng leo thang và sa lầy trên chiến trường VN đã có rất nhiều các sự kiện diễn ra.

Giai đoạn 1969 – 1972, khi cuộc chiến đang leo thang thì Mỹ lại tiếp tục đưa ra những chiến lược và những biện pháp mới để cứu vãn tình thế nhằm xuống thang cuộc chiến tranh. Trước những thất bại liên tiếp về mặt quân sự, Mỹ đã phải tìm những giải pháp bằng con đường ngoại giao. Lợi dụng mâu thuẫn Xô – Trung đang diễn ra căng thẳng, Mỹ đã tiến hành ngoại giao tay đôi với cả Liên Xô và TQ nhằm chia rẽ hai nước này và cắt đứt nguồn viện trợ cho VN. Còn TQ cũng đã muốn vươn lên nắm giữ vị trí đứng

đầu nên đã bắt tay với Mĩ. Vì vậy mà một thông cáo chung đã được tuyên bố bởi hai quốc gia này chính thức xác lập lại mqh giữa hai nước sau nhiều năm căng thẳng.

Với những thắng lợi liên tiếp về quân sự cũng như ngoại giao của VNDCCH đã làm vô hiệu hóa tín hiệu của các nước lớn. Cái bắt tay giữa Mĩ và TQ không hề làm thay đổi tình hình chiến cục, Mĩ vẫn thất bại, TQ giảm sự chi viện cho VN nhưng cuộc đấu tranh của nhân dân vẫn tiếp tục diễn ra và giành nhiều thắng lợi. Tất cả những tính toán của Mĩ, TQ ở VN đều không thực hiện được. Ngược lại, chiến tranh VN đã tác động trực tiếp đến chiến lược

TQ, thì chiến của các nước đến mqh giữa các nước.

Chính cuộc chiến tranh VN đã có tác động rất lớn đến quan hệ Mĩ – Trung. Nếu mâu thuẫn Xô – Trung là cơ hội để Mĩ thực hiện ngoại giao tay đôi với tranh VN là điều kiện để Mĩ thúc đẩy tiến tới mqh này. Một giả thuyết đặt ra nếu như không có cuộc chiến tranh VN thì liệu sẽ có cái bắt tay giữa TQ và Mĩ năm 1972 hay không. Bởi lúc này cuộc chiến tranh lạnh đang diễn ra rất căng thẳng giữa hai phe, mà TQ và Mĩ lại là đại diện tiêu biểu cho hai phe. Cả hai đang đứng trong thế đối đầu với nhau, khi Mĩ muốn xóa bỏ CNCS để thực hiện âm mưu bá chủ thế giới của mình, còn TQ đang muốn vươn rộng sự ảnh hưởng của mình trên trường quốc tế, muốn lan tỏa CNCS TQ xuống khu vực Đông Nam Á. Tất cả đều có những chiến lược riêng của mình. Chiến tranh VN không chỉ là tâm điểm cho sự tính toán của các nước lớn mà nó còn là điểm nóng trong cuộc chiến tranh giữa phe XHCN và phe TBCN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng việt

1. Archimedes L. A. Patti (2008), *Tại sao VN*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
2. Nguyễn Đình Bin (chủ biên) (2005), *Ngoại giao VN(1945 – 2000)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Đỗ Thanh Bình (2001), *Chính sách đối ngoại của VN*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
4. Bộ Chính trị (12-1965; 1-1966), *Biên bản họp Bộ Chính trị, ĐVBQ. 173, Cục Lưu trữ Trung ương Đảng.*
5. Daniel Ellsberg (2006), *Những bí mật về chiến tranh VN*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
6. Trần Bạch Đằng (2010), *Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước những mốc son lịch sử*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Francois Joyaux (1981), *TQ và việc giải quyết cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ I*, Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội.
8. Đại tướng Võ Nguyên Giáp (2004) – *Tổng tập hồi kí*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
9. Gbriel Konco (2003), *Giải phẫu một cuộc chiến tranh*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
10. George C. Herring (2004), *Cuộc chiến dài ngày giữa nước Mỹ và VN1950 – 1975*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
11. Lê Hậu Hãn (1997), *Đại cương Lịch sử VN tập III, tập IV*, Nxb Giáo dục VN, Hà Nội.
12. Nguyễn Thị Mai Hoa (2013), *Các nước xã hội chủ nghĩa ủng hộ VN kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
13. Henry Kissinger (2004), *Những năm bão táp, Cuộc chạy đua vào Nhà Trắng*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
14. Nguyễn Khắc Huỳnh (2010), *Cuộc kháng chiến chống Mỹ của VN tác động của những nhân tố quốc tế*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
15. Lý Kiện (2008), *Trung – Xô – Mỹ cuộc đối đầu lịch sử*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.

16. Lưu Văn Lợi, Nguyễn Anh Vũ (1996), *Các cuộc thương lượng bí mật Lê Đức Thọ - Kítxinhgiơ tại Pari*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
 17. Hồ Chí Minh (2009), *Toàn tập, tập 7*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 18. Phạm Quang Minh (2005), “*Quan hệ của VN với Liên Xô và TQ trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước*”, Tạp chí Nghiên cứu châu Á, số 5/ 2005.
 19. Robert S. Mc. Namara (1995), *Nhìn lại quá khứ. Tấn thảm kịch và những bài học VN*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 20. Trần Minh Trường (2005), *Hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ năm 1954 đến 1969*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
 21. Viện Lịch sử quân sự (1986), *Nghiên cứu văn kiện của Đảng về chống Mỹ cứu nước*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
 22. Vụ Thông tin Báo chí, Bộ Ngoại giao (1979), *Sự thật về quan hệ VN- TQ 30 năm qua*, Nxb Sự thật, Hà Nội. (Ngày Tòa soạn nhận được bài: 10-7-2015; ngày phản biện đánh giá: 06-10-2015; ngày chấp nhận đăng: 22-10-2015)
- Tài liệu Internet**
23. PGS. TS Hồ Khang, “*TQ giúp đỡ VN về mặt quân sự*”, 24/4/2014, <https://nghienculichsu.com>, 8h00, 25/01/2018.
 24. Th.s Lê Tùng Lâm, “*Hồ Chí Minh với vấn đề đồng minh trong cuộc chiến chống phát xít Nhật ở VN*”, 28/5/2011, <https://nghienculichsu.com>, 8h10, 5/4/2019.
 25. Đặng Phong, “*Hai mươi một năm viện trợ của Mỹ ở VN*”, <https://nghienculichsu.com>, 9h30, 15/3/2019.
 26. Hoàng Thùy, “*Thủ tướng – Quan hệ VN – TQ là vừa hợp tác vừa đấu tranh*” 19/11/2014, <https://nghienculichsu.com>, 14h30, 22/12/2018.
 27. Hoa Văn, “*Chuyến thăm lịch sử tới TQ của Tổng thống Hoa Kỳ Richard Nixon*” 10/11/2015, <https://nghienculichsu.com>, 14h20, 20/1/2019